|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH HÀ TĨNH**  **DỰ THẢO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Tĩnh, ngày tháng 11 năm 2017* |

**ĐỀ ÁN**

**Tăng cường công tác bảo vệ môi trường**

**đến năm 2025 và những năm tiếp theo**

**PHẦN MỞ ĐẦU**

**I. Sự cần thiết xây dựng Đề án**

Môi trường liên quan đến sức khoẻ, đời sống người dân, quyết định sự phát triển bền vững của đất nước cũng như mỗi địa phương. Trong những năm qua, dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự tham gia tích cực của MTTQ, các đoàn thể và nhân dân, công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đã có chuyển biến và đạt kết quả bước đầu. Nhận thức của các cấp, các ngành và nhân dân về bảo vệ môi trường được nâng lên; các phong trào bảo vệ môi trường ngày càng thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, nội dung BVMT đã được lồng ghép vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch phát triển ngành; quy hoạch các khu xử lý chất thải rắn được lập và từng bước triển khai thực hiện; việc xử lý chất thải rắn được chuyển đổi từ chôn lấp 100% sang các công nghệ tiên tiến hơn như: Nhà máy chế biến thành phân hữu cơ, sản xuất gạch không nung, hạt nhựa hoặc đốt bằng lò đốt công nghệ mới; việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư được thực hiện khá đầy đủ; công tác BVMT khu vực nông thôn được quan tâm gắn với việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới và đạt được nhiều kết quả.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác bảo vệ môi trường ở tỉnh ta vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế: Ý thức bảo vệ môi trường của cộng đồng dân cư và các doanh nghiệp nhìn chung còn thấp, quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch các khu xử lý chất thải rắn triển khai chưa đồng bộ; thu hút đầu tư chưa quan tâm nhiều đến vấn đề môi trường, một số dự án đầu tư triển khai thực hiện khi chưa có đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được phê duyệt hoặc xác nhận, số lượng các dự án được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường đạt thấp, công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường đặc biệt là các dự án có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao thiếu chủ động; ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi còn nhiều tiềm ẩn và có nguy cơ gia tăng; tình trạng đổ rác thải bừa bãi vẫn còn diễn ra ở một số địa phương; hạ tầng cấp thoát nước, xử lý nước thải ở các khu, cụm công nghiệp, đô thị, khu dân cư tập trung chưa được đầu tư đồng bộ… Năng lực quản lý Nhà nước và trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác BVMT còn nhiều bất cập; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đấu tranh phòng chống tội phạm và sự phối hợp giữa các ngành, các cấp chưa chủ động, thiếu quyết liệt, hiệu quả thấp; đầu tư cho BVMT củng như cơ chế chính sách xã hội hoá về BVMT còn hạn chế; chưa phát huy được vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác bảo vệ môi trường. Sự cố môi trường biển vào tháng 4 năm 2016 do Công ty TNHH Gang thép Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh xả thải gây ra là bài học lớn cho các cấp, các ngành trong công tác BVMT.

Trước tình hình trên, việc xây dựng Đề án "Tăng cường công tác bảo vệ môi trường đến năm 2025 và những năm tiếp theo" là rất cần thiết và cấp bách nhằm huy động sự vào cuộc mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác BVMT, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của tỉnh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa, góp phần hoàn thành các mục tiêu mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2015-2020 đã đề ra.

**II. Cơ sở pháp lý**

Đề án được xây dựng dựa trên các văn bản pháp lý của Trung ương và địa phương, bao gồm:

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

- Nghị quyết số 41/NQ-TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hoá đất nước;

- Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Nghị quyết số 24/NQ-TW ngày 06/3/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khoá XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị đinh số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn và phế liệu;

- Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

- Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020;

- Nghị quyết 132/2010/NQ-HĐND ngày 13/10/2010 của HĐND tỉnh về việc thông qua Đề án Quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2015 và định hướng những năm tiếp theo;

- Văn bản số 963/CTr-TU ngày 19/8/2013 của Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành TW Đảng khóa XI về “Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”;

- Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 15/7/2017 của HĐND tỉnh về tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai và môi trường trên địa bàn tỉnh;

- Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 về ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới và chỉnh trang đô thị năm 2017-2018.

- Văn bản số 335-CV/TU ngày 13/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc xây dựng Đề án về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh;

- Một số văn bản và tài liệu có liên quan.

**III. Nội dung, phạm vi, đối tượng, thời gian thực hiện đề án**

1. Nội dung: Đề án tập trung đánh giá hiện trạng các vấn đề môi trường, kết quả công tác bảo vệ môi trường giai đoạn 2010-2016; những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân; nhận định một số vấn đề môi trường trọng tâm từ đó đưa ra mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp để lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ môi trường giai đoạn 2017-2025 và những năm tiếp theo.

2. Phạm vi: Áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

3. Đối tượng: Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan.

4. Thời kỳ thực hiện Đề án: Giai đoạn 2017-2025 và những năm tiếp theo.

**Phần thứ nhất**

**HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG HÀ TĨNH VÀ CÔNG TÁC**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**I. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG HÀ TĨNH**

**1. Môi trường trong các Khu kinh tế, Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, làng nghề và các cơ sở sản xuất công nghiệp khác.**

Hà Tĩnh hiện có 02 khu kinh tế, 03 khu công nghiệp (KCN) đã đi vào hoạt động[[1]](#footnote-1) thu hút 77 dự án đầu tư trong và ngoài nước, 22 Cụm công nghiệp (CCN) đã được thành lập trong đó 17 CCN đi vào hoạt động thu hút 239 dự án đăng ký (trong đó 137 dự án đã đi vào hoạt động, tỷ lệ lấp đầy các CCN đã đi vào hoạt động đạt 56,48%); toàn tỉnh có 30 làng nghề truyền thống[[2]](#footnote-2), trong đó có 05 làng nghề và 08 nghề truyền thống được công nhận. Ngoài ra, Hà Tĩnh còn có trên 5.000 doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngoài KKT, KCN, CCN, làng nghề.

Toàn tỉnh hiện nay chưa có KCN nào có hệ thống xử lý nước thải (KCN Vũng Áng 1 mới có dự án được duyệt nhưng chưa triển khai đầu tư, KCN Gia Lách đang lập dự án); có 03 CCN do tỉnh quản lý[[3]](#footnote-3) đã đầu tư hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung, tuy nhiên các công trình xây dựng chưa đồng bộ, chưa vận hành đảm bảo (CCN Phù Việt chỉ mới xây dựng hệ thống mương bê tông thu gom nước thải; CCN Thạch Kim đã xây dựng nhưng lượng nước thải phát sinh trong cụm ít, không đủ điều kiện để hoạt động). Trong số 19 CCN còn lại, một số CCN mới chỉ đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa như CCN Thái Yên, CCN Bắc Thạch Quý, CCN Bắc Cẩm Xuyên.

Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong Khu, Cụm CN ... đã làm phát sinh một lượng lớn chất thải (gồm chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, nước thải, khí thải) gây ảnh hưởng đến môi trường, cụ thể:

***1.1. Về chất thải rắn công nghiệp***

**\* Chất thải công nghiệp (CTR) thông thường:**

Theo số liệu thống kê từ các địa phương cho thấy tổng khối lượng CTR công nghiệp phát sinh từ năm 2011-2016 là 629.316 tấn và tăng dần qua các năm: năm 2011 là 71.486 tấn; năm 2012 là 83.381 tấn; năm 2013 là 90.050 tấn; năm 2014 là 110.698 tấn; năm 2015 là 127.303 tấn và năm 2016 là 146.398 tấn. Khối lượng này chưa tính đến lượng chất thải công nghiệp phát sinh từ các nhà máy lớn, như: nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 (trên 1,01 triệu tấn/năm); Khu liên hợp gang thép Formosa giai đoạn 1-1 (trên 2,5 tấn/năm).

Thành phần chất thải rắn công nghiệp phụ thuộc vào loại hình sản xuất và trình độ công nghệ. Với các loại hình sản xuất trên địa bàn Hà Tĩnh hiện nay thì thành phần CTR công nghiệp chủ yếu là đất, đá thải từ hoạt động khai thác khoáng sản và xây dựng, tro xỉ từ quá trình đốt than ở các nhà máy nhiệt điện và nhà máy chế biến, các loại bao bì, chai lọ nhựa, thủy tinh, sơn keo, hóa chất dung môi hữu cơ, bùn từ hệ thống xử lý nước thải, gỗ tạp, mẫu kim loại dư thừa…

\* **Chất thải nguy hại:**

Chất thải nguy hại (CTNH) là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm... Sản xuất công nghiệp ngày càng phát triển, lượng CTNH phát sinh khối lượng ngày càng lớn, đa dạng và phức tạp về thành phần.

Từ năm 2008 đến nay trên địa bàn tỉnh có 250 đơn vị đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH với tổng khối lượng CTNH dự kiến phát sinh tối đa theo đăng ký là 14.134 tấn/năm (trong đó khối lượng CTNH đăng ký của Công ty Formosa Hà Tĩnh là 13.266 tấn/năm, chiếm 93,85%). Khối lượng thực tế phát sinh năm 2016 khoảng 1.500 tấn/năm (trong đó Công ty Formosa Hà Tĩnh là 946 tấn/năm, chưa bao gồm 390 tấn CTNH lẫn bùn thải, đất đá chôn lấp trái quy định tại phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh), khối lượng CTNH đã được thu gom xử lý khoảng 1.300 tấn chiếm 87% tổng lượng CTNH phát sinh; trong 08 tháng đầu năm 2017, tổng khối lượng CTNH phát sinh là 5.350 tấn (riêng Công ty Formosa phát sinh khoảng 4.650 tấn, chiếm 87%). Ngoài số lượng CTNH đã đăng ký, có nhiều đơn vị chủ nguồn thải không thuộc đối tượng đăng ký chủ nguồn thải CTNH (khối lượng phát sinh dưới 600kg/năm) như các cơ sở sửa chữa xe máy, sản xuất gạch, cơ sở in ấn, phô tô... Mặt khác có một số đơn vị như Công ty Formosa ngoài số lượng đã đăng ký chủ nguồn thải CTNH còn có số lượng chất thải (như bụi, bùn thải) chưa phân định hết, do đó tính về khối lượng CTNH phát sinh thực tế sẽ lớn hơn số liệu nêu trên.

Nhìn chung các loại chất thải công nghiệp phát sinh nêu trên cơ bản đã được các chủ nguồn thải phân loại, lưu giữ, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo quy định. Tuy nhiên chưa thực sự triệt để, một số dự án lớn (như Formosa, nhiệt điện Vũng Áng I) có khối lượng (tro, xỉ, bùn thải) phát sinh lớn chưa được định hướng xử lý (tái chế, tái sử dụng hoặc đưa đi xử lý) đã gây áp lực lớn trên địa bàn.

***1.2. Về nước thải công nghiệp***

Các hoạt động phát sinh nước thải công nghiệp chủ yếu gồm: Luyện thép, nhiệt điện, sản xuất bia, rượu, chế biến cao su, nuôi trồng và chế biến thủy sản, sản xuất và chế biến gỗ, khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng... Tổng lượng nước thải phát sinh trong hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn hiện nay rất lớn (ước tính khoảng 4,5 triệu m3/ngày đêm), đặc biệt nhiều dự án có lưu lượng xả thải cao như: Dự án Formosa (mức xả thải hiện nay là 18.000-20.000 m3/ngày đêm), Dự án Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh (570 m3/ngày đêm), Dự án nhiệt điện Vũng Áng I (4.448.126 m3/ngày.đêm, bao gồm cả nước thải làm mát), Dự án Nhà máy chế biến thuỷ sản Nam Hà Tĩnh (150 m3/ngày đêm), ….

Đặc trưng của nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh ta thường chứa nhiều kim loại nặng, các chất hữu cơ, dầu mỡ….; hiện nay nước thải của các dự án sau khi tự xử lý theo quy chuẩn bắt buộc thì xả trực tiếp ra nguồn tiếp nhận là sông suối, ao hồ, ven biển … Qua kết quả quan trắc, phân tích môi trường nước thải ở các KCN, CCN-TTCN trong những năm qua cho thấy hàm lượng Coliform, COD, BOD, kim loại nặng trong nước thải một số nơi vượt quy chuẩn cho phép đặc biệt là nước thải từ các cơ sở chế biến thực phẩm và cơ sở giết mổ gia súc tập trung. Theo kết quả quan trắc quý IV/2016 có 3/7 điểm có mật độ Coliform vượt giá trị giới hạn cho phép[[4]](#footnote-4); kết quả quan trắc quý IV/2015 có 02/18 điểm có mật độ Coliform vượt giới hạn cho phép[[5]](#footnote-5)...

***1.3. Về khí thải công nghiệp***

Khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh phát sinh chủ yếu tại các dự án lớn trong Khu kinh tế Vũng Áng, gồm: Khí thải từ Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 lưu lượng phát sinh tối đa theo tính toán khi vận hành hết công suất khoảng 70 triệu m3/ngày đêm, hiện nay qua theo dõi lượng khí thải thực tế phát sinh khoảng 11,5 triệu m3/ngày đêm, Nhà máy luyện thép Formosa phát thải khoảng 30 triệu m3/ngày đêm (bao gồm nhà máy điện công suất 650MW). Bên cạnh đó, hoạt động của 24 lò gạch tuynel, 88 mỏ khoáng sản, một số trạm trộn bê tông nhựa nóng tại thị xã Hồng Lĩnh, thị xã Kỳ Anh, Khu kinh tế Vũng Áng cũng phát sinh khối lượng lớn bụi, khí thải, tiếng ồn ảnh hưởng đến môi trường. Qua kết quả quan trắc, phân tích môi trường không khí ở các KCN, CCN-TTCN trong những năm qua cho thấy hầu hết các thông số phân tích đang nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT, chỉ có một số vị trí có hàm lượng bụi vượt giới hạn cho phép như: Tại cụm khai thác đá Hồng Lĩnh, Vượng Lộc, vị trí trước cổng vào Công ty Formosa, đường vào KCN Phú Vinh, Cảng Vũng Áng.

***1. 4. Về quản lý chất thải tại một số dự án lớn trên địa bàn tỉnh***

*1.4.1. Dự án Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa (gọi tắt là dự án Formosa):*

Dự án đầu tư giai đoạn 1 gồm các hạng mục: Nhà máy thép công suất 7,5 triệu tấn/năm, Tổ hợp nhà máy nhiệt điện công suất 650MW, Cảng Sơn Dương và hạng mục xây dựng nhà máy thép dây và 02 trạm xử lý bùn và vật liệu chịu lửa, tổng diện tích của dự án 3.318,72ha (đất liền 2.025,37 ha, mặt nước 1.293,35 ha). Dự án bắt đầu triển khai xây dựng từ năm 2008, vận hành thử nghiệm lò cao số 1 vào ngày 29/5/2017, đến nay đã sản xuất hơn 1,1 triệu tấn gang lỏng, 970.000 tấn phôi thép các loại.

*a) Về sự cố môi trường do Công ty gây ra vào tháng 4/2016:*

Từ ngày 06 đến 18/4/2016, tại khu vực ven biển thuộc thị xã Kỳ Anh đã xảy ra sự cố môi trường làm thuỷ sản nuôi trồng và hải sản tự nhiên chết bất thường, sau đó hiện tượng hải sản chết bất thường tiếp tục lan rộng ra các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế. Sự cố môi trường gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường biển 4 tỉnh miền Trung. Riêng đối với tỉnh Hà Tĩnh, sự cố môi trường biển đã gây thiệt hại trên 360 thôn/xóm thuộc 67 xã, phường của 07 huyện, thành phố, thị xã, ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống, việc làm, thu nhập của trên 44.000 lao động trực tiếp, gần 4.000 lao động gián tiếp.

Ô nhiễm nước biển tại 04 tỉnh miền Trung gây cá chết diện rộng, tại Hà Tĩnh lượng cá chết trôi dạt vào bờ biển các địa phương phải huy động lực lượng để thu gom, chôn lấp tiêu hủy theo đúng quy trình với khối lượng khoảng trên 100 tấn các loại. Ngoài ra, lượng cá tồn đọng sau sự cố không tiêu thụ được quá hạn lưu giữ trong các cơ sở cấp đông phải tiêu hủy với khối lượng khoảng 306 tấn.

Bên cạnh đó, sự cố môi trường biển đã gây ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng nước biển ven bờ, gây suy giảm đa dạng sinh học và nguồn lợi thủy sản không chỉ ở khu vực tỉnh Hà Tĩnh mà còn ở cả 04 tỉnh bị thiệt hại.

*b) Nguyên nhân của sự cố:* Nguyên nhân chính gây ra sự cố môi trường là do các độc tố Phenol, Xyanua từ nước thải của Công ty Formosa thải ra biển.

*c) Việc khắc phục các vi phạm môi trường sau sự cố:*

*- Đối với nước thải:* Công ty Formsa đã hoàn thành các hạng mục công trình bảo vệ môi trường cải thiện, bổ sung theo Quyết định số 2604/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với nước thải như: Lắp đặt thêm 04 bồn lọc cao tải tại xưởng xử lý nước thải công nghiệp; lắp bổ sung 02 cụm tiền xử lý hóa lý tại xưởng xử lý nước thải sinh hoá; bổ sung hệ thống thiết bị châm hóa chất khử màu vào bể phản ứng keo tụ sau công đoạn xử lý sinh học tại xưởng sinh hoá; xây dựng hệ thống hồ sinh học kết hợp hồ sự cố trên diện tích 10ha, đảm bảo ứng phó được các sự cố về nước thải có thể xảy ra và tiếp tục xử lý nước đạt chất lượng tốt hơn đối với 02 dòng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn quy định tại Trạm XLNT sinh hóa và Trạm XLNT công nghiệp. Lắp đặt thiết bị quan trắc tự động liên tục các thông số môi trường sau xử lý tại các xưởng nước thải công nghiệp (15 thông số), sinh hoá (15 thông số), sinh hoạt (12 thông số), tại đập quan trắc trước khi thải ra biển (15 thông số) và truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát theo quy định.

*- Đối với khí thải:* Công ty Formosa đã hoàn thành lắp đặt đầy đủ thiết bị quan trắc khí thải tự động tại 15 ống khói phục vụ vận hành của Lò cao số 1 và 05 ống khói phục vụ Lò cao số 2, với 08 thông số. Số liệu quan trắc tại các ống khói được truyền trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát theo quy định.

*- Đối với chất thải rắn:*

*Chất thải rắn sinh hoạt:* phát sinh bình quân 3-4 tấn/ngày đã hợp đồng với Công ty chế biến rác thải sinh hoạt Hoành Sơn tại xã Kỳ Tân - huyện Kỳ Anh để xử lý.

*Chất thải nguy hại:* Phát sinh khoảng 400 tấn/tháng (trong đó bùn thải của xưởng xử lý nước thải sinh hoá có khối lượng khoảng 310 tấn/tháng), khối lượng này chưa bao gồm lượng bùn, bụi đã phân định là chất thải nguy hại mà Công ty Formosa đang trình phương án tái chế, tái sử dụng với Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chất thải nguy hại phát sinh đã hợp đồng với Công ty Chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh xã Kỳ Tân - huyện Kỳ Anh để xử lý.

*Chất thải công nghiệp thông thường:* Theo tính toán phát sinh các loại khoảng 2,5 triệu tấn/năm; trong đó: Xỉ hạt lò cao khoảng 01 triệu tấn/năm (được chứng nhận hợp chuẩn và đã xuất khẩu 331.086 tấn); tro bay khoảng 96.000 tấn/năm (được chứng nhận hợp chuẩn và đã xuất khẩu khoảng 17.532 tấn); xỉ thép khối lượng khoảng 1,01 triệu tấn/năm; bùn và bụi các loại khoảng 400.000 tấn/năm…Hiện nay Công ty Formosa đang trình phương án tái chế, tái sử dụng hầu hết các loại chất thải trên (trong đó tỷ lệ tái chế, tái sử dụng khoảng 97%). Những loại chất thải công nghiệp thông thường không tái chế, tái sử dụng được thì Công ty Formosa đã phân loại và hợp đồng với Công ty Chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh xử lý.

*d) Về xử lý khối lượng bùn đã chuyển giao cho Công ty Môi trường đô thị Kỳ Anh xử lý không đúng quy định:*

Thời gian qua Công ty Formosa có chuyển giao 390,72 tấn bùn thải cho Công ty Môi trường Đô thị Kỳ Anh vận chuyển, chôn lấp bùn thải không đúng quy định tại tổ dân phố Hoàng Trinh, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh. Đến tháng 01/2017 Công ty Formosa đã ký hợp đồng với đơn vị chức năng thực hiện xử lý dứt điểm 390,72 tấn bùn thải nêu trên theo đúng quy định.

Tổng mức đầu tư năm 2008 là 7,9 tỷ USD, điều chỉnh năm 2017 là 11 tỷ USD; trong đó đầu tư cho các công trình bảo vệ môi trường khoảng gần 1 tỷ USD (gần 10% tổng mức đầu tư); chi phí đầu tư các công trình cải thiện môi trường sau sự cố khoảng 340 triệu USD.

*1.4.2. Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1*

Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 gồm 2 tổ máy với tổng công suất 1.200 MW. Lượng chất thải phát sinh gồm: Nước thải sinh hoạt khoảng 60m3/ngày đêm, nước thải công nghiệp bao gồm nước làm mát là 4.441.824 m3/ngày.đêm. Rác thải sinh hoạt phát sinh khoảng 85 tấn/năm; Tro bay khoảng 700.000 tấn/năm; Xỉ đáy lò khoảng 150.000 tấn/năm; CTNH khoảng 110 tấn/năm; khí thải khoảng 70 triệu m3/ngày đêm...

Nhà máy đã có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt bằng 11 thiết bị xử lý hợp khối MGB - JOKASO; nước thải công nghiệp sau xử lý được tái sử dụng cho hệ thống tro xỉ; nước làm mát và nước thải sau tháp hấp thụ của hệ thống khử lưu huỳnh trong khí thải (FGD) được sục khí và xả ra biển. Hệ thống xử lý bụi, khí thải gồm: Hệ thống lọc bụi tĩnh điện (ESP), hệ thống khử NOx, hệ thống FGD (dùng nước biển); Khí thải sau khi xử lý được thải ra ngoài môi trường qua 02 ống khói cao 180m cho từng tổ máy. Tro xỉ được vận chuyển đến bãi chứa xỉ rộng 19ha; Tro bay của nhà máy được lưu chứa và hiện nay đã chuyển giao một phần cho các đơn vị sản xuất xi măng và vật liệu xây dựng. Rác thải sinh hoạt và CTNH được thu gom, lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị đủ chức năng theo đúng quy định.

Công ty đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, khí thải và kết nối truyền dữ liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, quản lý theo quy định.

Tổng mức đầu tư khoảng 1,7 tỷ USD, trong đó đầu tư công trình bảo vệ môi trường gần 100 triệu USD (gần 5,9 % tổng mức đầu tư).

*1.4.3. Nhà máy bia Sài Gòn - Hà Tĩnh:*

Nhà máy bia Sài Gòn Hà Tĩnh có công suất 50 triệu lít/năm. Lượng chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động gồm: Nước thải khoảng 570 m3/ngày đêm; 02 lò hơi đốt than với công suất 08 tấn hơi/lò; CTNH là 2,7 tấn/năm; CTR sinh hoạt là 70 tấn/năm và bột trợ lọc khoảng 68 tấn/năm. Nhà máy đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra môi trường, chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A; đã lắp đặt hệ thống thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục và truyền trực tiếp số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, quản lý theo quy định.

Tổng mức đầu tư gần 500 tỷ đồng trong đó giá trị đầu tư cho các công trình môi trường là 20 tỷ (chiếm 4% tổng mức đầu tư).

*1.4.4. Dự án mỏ sắt Thạch Khê:*

Dự án khai thác và tuyển quặng sắt mỏ Thạch Khê được triển khai từ năm 2008, đến năm 2011 tạm dừng để hoàn thiện các hồ sơ dự án, thiết kế kỷ thuật… và tiến hành điều chỉnh cho phù hợp với thực tế; đã bóc đất tầng phủ đến độ sâu -34m, với khối lượng 12,7 triệu m3, thu hồi được 3.000 tấn quặng sắt. Tổng mức đầu tư 9.932 tỷ đồng (năm 2008), dự án điều chỉnh năm 2014 với tổng mức 14.517,2 tỷ đồng; chi phí đã giải ngân là 1.589,59 tỷ đồng, trong đó chi phí đầu tư cho các công trình bảo vệ môi trường là 65,8 tỷ đồng.

Dự án được Bộ TN&MT phê duyệt báo cáo ĐTM lần đầu năm 2008, phê duyệt lần thứ hai năm 2013, Bộ TN&MT cấp giấy phép xả nước thải năm 2014. Theo báo cáo ĐTM và giấy phép xả nước thải thì lượng nước xả thải ra biển là rất lớn với lưu lượng 69.262 m3/ngày đêm cùng với rất nhiều vấn đề về môi trường đặc biệt quan tâm như: độ sâu khai thác -550m sẽ bị tụt nước ngầm và bán kính của vùng bị hạ thấp mực nước ngầm khoảng 3,5 km (từ tâm mỏ); vấn đề đổ thải lấn biển với độ cao của bãi thải +25m; đổ thải trên đất liền với độ cao bãi thải +99m…

**2. Môi trường khu vực đô thị:**

Hà Tĩnh hiện có 15 đô thị trong đó có 01 đô thị loại III là TP Hà Tĩnh, 02 đô thị loại IV là TX Hồng Lĩnh và TX Kỳ Anh và 12 đô thị loại V bao gồm các thị trấn tại các huyện. Dân số đô thị Hà Tĩnh hiện nay khoảng 230.200 người (chiếm khoảng 18.17% tổng dân số cả tỉnh), tốc độ gia tăng dân số đô thị những năm gần đây khá nhanh, bình quân mỗi năm tăng lên khoảng trên 9.000 người. Sự phát triển đô thị với tỷ lệ đô thị hóa 13,52%/năm, sự gia tăng dân số đô thị kéo theo nhiều vấn đề đáng quan tâm nhất là vấn đề nước thải đô thị, rác thải sinh hoạt và không khí đô thị.

***2.1. Về nước thải đô thị:***

Với mật độ dân số tại các đô thị tương đối cao, trong khi hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đô thị phát triển không tương xứng làm phát sinh nhiều bất cập. Hiện tại, hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị Hà Tĩnh còn yếu kém. Ngoại trừ thị xã Hồng Lĩnh mới được đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải (công suất xử lý 8.000 m3/ngày đêm, tổng mức đầu tư 277,3 tỷ đồng), các đô thị còn lại đều chưa có hệ thống thu gom, xử lý thoát nước thải sinh hoạt tập trung. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý qua bể tự hoại, một phần được tự thẩm thấu xuống đất, một phần được thu gom theo hệ thống cống thoát nước chung của đô thị. Đối với TP Hà Tĩnh, TX Kỳ Anh có hệ thống thoát nước mưa đã đáp ứng chỉ tiêu quy định, mật độ đường cống thoát nước chính khu vực nội thị đảm bảo nhu cầu về thoát nước. Các đô thị còn lại hệ thống thoát nước mưa còn yếu, mật độ đường cống thoát nước không đảm bảo, nhiều khu vực nước mưa chảy tràn vào các ao, hồ thủy lợi hoặc tự ngấm. Một số đô thị nước thải và nước mưa hầu hết đang thoát thải chung; hệ thống cấp thoát nước đô thị lạc hậu và chắp vá, lại bị bồi lấp đất cát do không được nạo vét thường xuyên, gây tắc nghẽn dòng chảy, từ đó xẩy ra tình trạng ngập úng cục bộ tại nhiều khu dân cư khi mưa lớn.

Theo ước tính, mỗi ngày các khu vực đô thị trong toàn tỉnh thải ra khoảng 23.000m3 nước thải, với nồng độ các chất ô nhiễm cao (chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy, chất hoạt động bề mặt, các chất tẩy rửa). Theo số liệu quan trắc định kỳ chất lượng nước thải sinh hoạt trong thời gian qua cho thấy: Nồng độ một số chất ô nhiễm trong nước thải đô thị tương đối cao và có biến động lớn[[6]](#footnote-6). Nước thải sinh hoạt đô thị không được xử lý đã và đang gây ô nhiễm cho các nguồn tiếp nhận xung quanh các đô thị như Hào Thành, sông Cụt - thành phố Hà Tĩnh, sông Rào Cái - Thạch Hà, sông Nghèn - huyện Can Lộc, sông Trí - thị xã Kỳ Anh…

Để khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do nước thải sinh hoạt, các địa phương đã tích cực kêu gọi các nguồn đầu tư thực hiện các dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước và xử lý nước thải. Hiện nay tại thị xã Hồng Lĩnh đã hoàn thành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và dịch bệnh do ngập úng. Đối với thành phố Hà Tĩnh, thị xã Kỳ Anh và một số địa phương khác đang triển khai các dự án về xây dựng hệ thống hạ tầng đô thị, dự án cấp, thoát nước do địa phương và một số tổ chức trong và ngoài nước tài trợ để góp phần cải thiện hệ thống thoát nước chung, giảm tình trạng tù đọng nước thải và ngập lụt trên địa bàn.

Ngoài ra, khu vực đô thị là nơi tập trung các khu thương mại dịch vụ như khách sạn, siêu thị, chợ, trung tâm thương mại có phát sinh nước thải sinh hoạt lớn. Tuy nhiên chỉ mới có 1 đơn vị (Vincom Plaza) đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung đi vào hoạt động, gần đây có thêm một số dự án (như Nhà ở xã hội, chung cư cao tầng của Tập đoàn Vingrup, Dự án nhà ở của Tổng HUD - tại Tp Hà Tĩnh) đã và đang chuẩn bị đầu tư khu xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của dự án trước khi thoát thải ra hệ thống thoát thải chung của thành phố, góp phần giảm thiểu tác động môi trường do nước thải đô thị.

***2.2. Về rác thải đô thị***

Tốc độ đô thị hóa càng tăng thì lượng rác thải đô thị phát sinh càng lớn, thành phần rác thải đô thị bao gồm rác thải sinh hoạt từ khu dân cư, các khu thương mại, rác từ hoạt động xây dựng, rác từ cơ quan, công sở… Lượng rác thải sinh hoạt đô thị phát sinh trên địa bàn tăng dần hằng năm, năm 2014 là 186,12 tấn/ngày, năm 2015 là 197,44 tấn/ngày và năm 2016 là 200,43 tấn/ngày, một số địa phương có lượng phát sinh cao như ở thành phố Hà Tĩnh, thị xã Kỳ Anh.

Khác với rác thải nông thôn, rác thải sinh hoạt đô thị chứa nhiều thành phần khó phân hủy như các vỏ đồ hộp, thực phẩm đông lạnh, túi nilon, phế thải văn phòng… Vấn đề đáng quan tâm ở các đô thị hiện nay là tình trạng sử dụng túi nilon trong mua sắm. Túi ni lông là chất liệu khó phân hủy, sự tồn tại của túi nilon trong môi trường sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới đất và nước, túi nilon lẫn vào đất sẽ làm thay đổi tính chất vật lý của đất gây xói mòn đất, làm cho đất không giữ được nước, dinh dưỡng, ngăn cản ôxy đi qua đất ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây trồng; gây tắc nghẽn dòng chảy nếu bị vứt xuống ao, hồ, sông suối; phát sinh dioxin, furan khi bị đốt…

***2.3. Về môi trường không khí trong đô thị:***

Kết quả quan trắc môi trường không khí ở khu vực đô thị cho thấy mức độ ô nhiễm một số điểm cục bộ tương đối cao, chủ yếu là ở các khu vực có thi công các dự án, còn các điểm nút giao thông đô thị chưa đến mức báo động, chủ yếu là vấn đề bụi, khí thải do tình trạng gia tăng mật độ phương tiện giao thông. Các phương tiện giao thông vận hành thải ra môi trường không khí các loại khí thải như: SO2, NO2, CO, bụi… Theo kết quả quan trắc mạng lưới môi trường không khí tại các nút giao thông chính trên địa bàn cho thấy: tại một số vị trí[[7]](#footnote-7) nồng độ bụi thường xuyên vượt quá giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh với mức vượt từ (1-1,6) lần.

Vấn đề cây xanh tại các đô thị tỉnh Hà Tĩnh đang hạn chế, chưa tương xứng với phân loại đô thị. Riêng đối với thành phố Hà Tĩnh: diện tích cây xanh đường phố 2,3 ha, tổng số cây bóng mát là 4.239 cây, tỷ lệ cây xanh/người là 1,4m2 cây xanh/01 người[[8]](#footnote-8) thấp hơn nhiều so với quy chuẩn cơ cấu cây xanh chưa hợp lý về chủng loại, đất cây xanh công cộng của thành phố là 26,1ha; chiếm tỷ lệ 2,54% diện tích đất đô thị; đạt tỷ lệ 4,2m2 cây xanh/01 người[[9]](#footnote-9).

**3. Môi trường trong nông nghiệp và nông thôn**

Hà Tĩnh có 231 xã, theo số liệu thống kê dân số nông thôn năm 2016 là 1.036.515 người (chiếm 81,83% tổng dân số cả tỉnh). Trong những năm gần đây, tỉnh ta tập trung phát triển mạnh nông nghiệp, nông thôn và nông dân với nhiều chương trình, dự án được đầu tư làm cho bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc, việc xây dựng nông thôn mới ngày càng đi vào chiều sâu và hiệu quả, đến cuối năm 2016 có 81 xã đạt chuẩn nông thôn mới, năm 2017 có 44 xã đăng ký về đích nông thôn mới; sản xuất nông nghiệp đạt được kết quả khá toàn diện cả về trồng trọt và chăn nuôi. Tuy nhiên, bên cạnh sự phát triển mạnh trong sản xuất nông nghiệp thì môi trường trong nông nghiệp và nông thôn hiện nay cũng đang là vấn đề đáng báo động đặc biệt là chất thải rắn sinh hoạt, việc sử dụng hóa chất, thuốc BVTV trong sản xuất nông nghiệp và môi trường trong chăn nuôi. Cụ thể:

***3.1. Các loại chất thải ở nông thôn***

*-* *Về nước thải:* Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nông thôn khoảng 83.000 m3/ngày.đêm. Đặc tính của nước thải sinh hoạt thường bị ô nhiễm bởi các chất cặn bã hữu cơ, các chất hữu cơ hoà tan, các chất dinh dưỡng (N, P), các vi trùng gây bệnh (E.Coli, Coliform…) do quá trình đào thải của người dân và một phần từ hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm và các cơ sở chế biến nước mắm, làm bún trong khu dân cư. Thực tế hiện nay tất cả các khu dân cư nông thôn đều không có hệ thống xử lý nước thải, lượng nước thải nói trên đang thải trực tiếp ra các ao hồ trong khu dân cư hoặc tự thấm xuống đất, có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước ngầm. Thời gian gần đây trong phong trào xây dựng nông thôn mới, nhiều địa phương đã chỉ đạo quyết liệt đào đắp, xây dựng khơi thông cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, theo đó những xã về đích nông thôn mới đã cơ bản giảm bớt tình trạng tù đọng nước thải gây ô nhiễm môi trường.

*- Về chất thải rắn:* Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nông thôn khoảng 363 tấn/ngày. Ngoài ra còn có các loại chất thải rắn khác phát sinh từ hoạt động sản xuất nông nghiệp. Lượng rác thải nông thôn tăng dần hằng năm[[10]](#footnote-10). Toàn tỉnh hiện nay mới đầu tư các khu xử lý chất thải rắn cho các đô thị và khu công nghiệp, chưa có khu xử lý cho các vùng nông thôn nhất là khu vực phía Bắc và miền núi phía Tây. Rác thải phát sinh ở các khu vực này đang xử lý dưới nhiều hình thức như chôn lấp tại các bãi rác tạm không được đầu tư xây dựng theo đúng quy định, có địa phương tập kết một số chổ ngoài đồng đốt không kiểm soát, một phần được thu gom vận chuyển xử lý bằng lò đốt không sử dụng nhiên liệu hoặc đưa về nhà máy xử lý. Ngoài ra tình trạng đổ rác thải không đúng quy định dọc các trục đường giao thông nông thôn, các bờ ao hồ, sông suối, cầu cống và các khu vực công cộng vẩn thường xuyên xẩy ra tạo nên các bãi rác tự phát, ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống, sức khỏe người dân và cảnh quan.

Hà Tĩnh có diện tích sản xuất nông nghiệp tương đối lớn, trong hoạt động sản xuất nông nghiệp đã phát sinh lượng chất thải từ đồng ruộng như rơm rạ, thân cây lương thực, bao bì, chai lọ đựng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật… . Thời gian qua có tới 80% khối lượng rơm rạ, thân các loài cây lương thực bị đốt hoặc vứt bỏ ngoài đồng ruộng.

***3.2. Việc sử dụng hóa chất, thuốc BVTV trong sản xuất nông nghiệp***

Hà Tĩnh có tổng diện tích đất nông nghiệp là 160.163 ha; hàng năm, khối lượng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) sử dụng khoảng 480 tấn. Theo ước tính lượng bao bì hóa chất BVTV thường chiếm 14,86% so với lượng thuốc tiêu thụ. Như vậy hàng năm thải ra môi trường khoảng 71,3 tấn bao bì đựng hoá chất BVTV. Theo kết quả nghiên cứu của Viện Bảo vệ thực vật cho thấy, lượng hoá chất BVTV còn bám lại trên vỏ bao bì trung bình chiếm 1,85% khối lượng bao bì. Như vậy mỗi năm đã thải ra môi trường khoảng 1,3 tấn thuốc BVTV sót lại trên bao bì, đây là loại rác thải nguy hại, nhưng hầu hết không được xử lý. Việc lạm dụng thuốc BVTV trong phòng trừ dịch hại, tùy tiện không tuân thủ quy trình kỹ thuật, không đảm bảo thời gian cách ly dẫn đến hậu quả: Ngộ độc thực phẩm, mất an toàn vệ sinh thực phẩm.

Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 01 nhà máy sản xuất phân bón vô cơ của Công ty Cổ phần Phân bón Nghệ Tĩnh; có 408 tổ chức, cá nhân kinh doanh phân bón, trong đó các doanh nghiệp, đại lý lớn khoảng 30 cơ sở, còn lại là các cửa hàng kinh doanh nhỏ, phần lớn kinh doanh phân bón vô cơ cùng với phân bón hữu cơ và các loại hàng hóa vật tư nông nghiệp khác. Việc kinh doanh, sử dụng hóa chất BVTV trên địa bàn hiện nay chưa được kiểm soát chặt chẽ. Tình trạng tồn dư hóa chất BVTV trong đất có thể dẫn đến tình trạng suy thoái đất nông nghiệp và tồn dư quá mức HCBVTV trong môi trường đất. Theo kết quả phân tích môi trường đất năm 2016 cho thấy: Nồng độ các thông số Cu, Pb, Zn trong đất được sử dụng cho mục đích trồng trọt tại các vị trí như xã Sơn Thọ, xã Kỳ Sơn và xã Liên Minh có sự biến động nhưng không nhiều và đang nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 03-MT:2015/BTNMT. Tuy nhiên để phát triển nền nông nghiệp bền vững cần phải có giải pháp để quản lý chặt chẽ việc kinh doanh, sử dụng hóa chất BVTV trong nông nghiệp.

***3.3. Môi trường trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản***

*3.3.1. Môi trường trong chăn nuôi*

Toàn tỉnh hiện có 313 trang trại chăn nuôi tập trung[[11]](#footnote-11) số lượng gia súc gia cầm ở các trang trại chăn nuôi khoảng 174.000 con lợn, 17.000 con bò và 60.000 gia súc, gia cầm khác (có 258 trang trại trong quy hoạch và 52 trang trại ngoài quy hoạch, trong đó có 50 trang trại chăn nuôi lợn). Loại hình chăn nuôi theo quy mô nông hộ nằm xen kẻ trong khu dân cư vẫn chiếm tỷ lệ lớn trong hoạt động chăn nuôi. Theo thống kê từ các địa phương, toàn tỉnh có 122.821 hộ chăn nuôi lợn, bò quy mô vừa và nhỏ[[12]](#footnote-12). Hầu hết các cơ sở chăn nuôi đều nằm ở khu vực nông thôn. Hoạt động chăn nuôi tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nông thôn do phát sinh chất thải lớn. Theo Cục Chăn nuôi, mỗi con bò có thể thải ra 10 -15kg phân/ngày; 01 con lợn thải 2,5-3,5kg phân/ngày; mỗi gia cầm thải 90g phân/ngày. Như vậy với số lượng gia súc, gia cầm trong các trang trại chăn nuôi ở tỉnh ta hiện nay[[13]](#footnote-13) thì tổng khối lượng chất thải chăn nuôi phát sinh khoảng 750 tấn/ngày. Ngoài ra bình quân mỗi con gia súc phát sinh khoảng 30 lít nước thải/ngày. Như vậy với lượng gia súc kể trên thì bình quân mỗi ngày lượng nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi khoảng 5.730m3, tương đương 2,1 triệu m3 nước thải/năm.

Riêng đối với dự án chăn nuôi bò Bình Hà là dư án có quy mô lớn với 254.200 con bò/năm, trong đó bò thịt là 252.000 con, bò đực là 200 con, bò cái là 2.000 con (thường xuyên không quá 65.200 con). Từ khi đi vào hoạt động đến nay lượng bò lớn nhất tại dự án là 29.931 con (tháng 4/2016). Tổng lượng chất thải phát sinh (tính cho 65.200 con) gồm: Phân bò tối đa khoảng 714 tấn/ngày; nước thải sinh hoạt khoảng 27,2 m3/ngày đêm; nước rỉ từ sân phơi phân khoảng 3,57 m3/ngày; rác thải sinh hoạt khoảng 170 kg/ngày; chất thải nguy hại khoảng 4,8 tấn/năm (không bao gồm gia súc chết do dịch bệnh). Nước thải phát sinh gồm: Nước rỉ phân, nước rửa máng, nước mưa chảy tràn khu vực chuồng nuôi được thu gom và xử lý bằng hệ thống hồ sinh học (ở Cẩm Xuyên gồm 05 hồ lắng và 01 hồ chứa nước mưa chảy tràn, nước qua các hồ được chảy tràn qua đập lắng và thoát ra môi trường; ở Kỳ Anh có 04 hồ lắng và 02 hồ chứa nước mưa chảy tràn, nước qua các hồ được tái sử dụng để tưới cỏ); phân bò được đưa về kho và sản xuất thành phân vi sinh (đã đầu tư 02 dây chuyền nghiền phân công suất 140 tấn/dây chuyền).

Qua công tác thanh kiểm tra cho thấy công nghệ xử lý nước thải chăn nuôi tập trung đang áp dụng trên địa bàn tỉnh chủ yếu là hệ thống xử lý bằng bể biogas và các hồ sinh học; Bên cạnh một số trang trại có hệ thống xử lý nước thải cơ bản đảm bảo yêu cầu (như: Trang trại chăn nuôi bò sữa quy mô 2.000 con tại xã Sơn Lễ của Công ty TNHH MTV bò sữa Việt Nam, Trang trại chăn nuôi lợn nái quy mô 1.200 con tại xã Sơn Lộc, huyện Can Lộc của Hợp tác xã nông nghiệp Gia Phúc, Trang trại chăn nuôi lợn nái quy mô 300 con tại xã Thường Nga và Phú Lộc của Công ty Cổ phần chăn nuôi Thiên Lộc,...) thì nhiều cơ sở hệ thống xử lý không đảm bảo như số lượng, diện tích hồ sinh học không đảm bảo, thể tích bể biogas không đủ đáp ứng, trong đó: 19/32 cơ sở do cấp tỉnh kiểm tra có hệ thống xử lý nước thải nhưng không theo đúng Báo cáo ĐTM, 28/32 cơ sở chưa thực hiện lót bạt chống thấm ở hồ sinh học. Theo báo cáo của cấp huyện thì hầu hết các cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng lập kế hoạch BVMT đã có bể biogas và hồ sinh học để xử lý nước thải, tuy nhiên một số cơ sở vẫn chưa xây dựng bể biogas: Huyện Thạch Hà (03 cơ sở), huyện Kỳ Anh (05 cơ sở); một số cơ sở có bể biogas nhưng đã bị hỏng hoặc thể tích bể không đảm bảo yêu cầu xử lý nước thải. Thực tế cho thấy hầu hết các trang trại chăn nuôi tập trung đều có nguồn tiếp nhận nước thải là các ao hồ, lưu vực sông suối, hệ thống công trình thủy lợi. Việc đầu tư hệ thống xử lý nước thải không đảm bảo đã gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước, làm ô nhiễm môi trường, gây ra dư luận xấu trong cộng đồng dân cư[[14]](#footnote-14). Qua kiểm tra cho thấy các trang trại chăn nuôi tập trung chưa thực hiện thủ tục cấp phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định; mới chỉ có 02 trang trại được cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT.

Tình trạng ô nhiễm môi trường và phát sinh chất thải nêu trên chưa tính đến chất thải từ chăn nuôi nông hộ (122.821 hộ chăn nuôi quy mô dưới 100 con). Qua khảo sát thực tế tại các địa phương trên địa bàn tỉnh, hiện nay các mô hình chăn nuôi nhỏ lẻ theo mô hình tổ hợp tác hầu hết đã đầu tư xây dựng bể, hầm biogas để xử lý chất thải chăn nuôi nhưng chưa bố trí các hồ sinh học để lưu giữ, xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường. Riêng đối với hoạt động chăn nuôi quy mô hộ gia đình thì hầu hết các hộ gia đình mới chỉ bố trí 01 bể chứa phân, nước thải (có hoặc không có nắp đậy), các công trình chăn nuôi sát nhà ở, nguồn nước, một số nơi nằm phía trước nhà sát đường giao thông, không được che chắn, vệ sinh thường xuyên gây ra mùi hôi và mất cảnh quan. Theo thống kê từ các địa phương, trong hoạt động chăn nuôi quy mô nông hộ, toàn tỉnh có khoảng 21,5 nghìn hộ xây bể biogas (chiếm khoảng 17,5% số hộ chăn nuôi), có 62 nghìn hộ có xây hố ủ phân/hầm ủ phân (chiếm khoảng 50% số hộ chăn nuôi) để bón cho cây trồng, ngoài ra các hộ cho thải chất thải trực tiếp ra kênh mương và trực tiếp xuống ao, hồ gây ô nhiễm môi trường. Trong khu dân cư nông thôn, khoảng cách từ chuồng trại của hộ gia đình chăn nuôi đến các hộ gia đình xung quanh không đảm bảo nên gây ảnh hưởng đến đời sống của người dân xung quanh.

*3.3.2. Môi trường trong nuôi trồng thủy sản*

Diện tích nuôi trồng thủy thủy sản ở Hà Tĩnh năm 2016 khoảng 7.920 ha, bao gồm nuôi các loài: Tôm, cua, cá và hải sản khác nhưng chủ yếu là nuôi tôm trên cát vùng ven biển. Hiện toàn tỉnh có trên 1.500 hộ, cơ sở nuôi tôm; trong đó có khoảng 40 hợp tác xã, tổ hợp tác và 10 doanh nghiệp có hoạt động chính là nuôi tôm với tổng diện tích là 2.200 ha. Chất thải trong nuôi trồng thủy sản là bùn thải chứa phân của các loài thủy sản, nguồn thức ăn dư thừa thối rữa bị phân hủy, các chất tồn dư của vật tư sử dụng như hóa chất, vôi, khoáng chất, lưu huỳnh lắng đọng… . Hiện trạng xử lý của các dự án nuôi tôm trên cát hiện nay chủ yếu mỗi cơ sở bố trí 1-2 ao lắng để lắng lọc nước thải trước khi thải ra môi trường; một số vùng đã có hệ thống thu gom nước thải tập trung bằng đường ống bê tông trước khi thoát ra biển như vùng nuôi tôm 53 ha tại xã Cẩm Hòa, huyện Cẩm Xuyên; ngoài ra nhiều cơ sở còn không bố trí ao lắng hoặc ao lắng không đảm bảo khả năng chứa và lắng lọc nước thải như: cơ sở của Công ty CP XD Đại Thắng, các cơ sở nuôi tôm nhỏ lẻ,... Hiện nay mới chỉ có duy nhất Công ty Sao Đại Dương có giấy phép xả thải vào nguồn nước. Nhìn chung hiện nay việc xử lý nước thải NTTS là chưa đảm bảo, hầu hết các cơ sở chưa đầu tư các công trình xử lý nước thải theo đúng nội dung Báo cáo ĐTM/Đề án BVMT được phê duyệt.

***4. Một số vấn đề ô nhiễm môi trường khác***

***4.1. Về chất thải y tế***

Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 19 bệnh viện công lập, 09 trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh; 13 cơ sở y tế dự phòng tuyến huyện; 01 phòng khám đa khoa khu vực; 262 trạm y tế xã, phường, thị trấn; 1 bệnh viện tư nhân và 181 phòng khám đa khoa, chuyên khoa tư nhân. Các bệnh viện, trung tâm y tế từ tuyến huyện đến tỉnh chủ yếu đóng ở khu vực đô thị do đó chất thải y tế cũng là một trong những nguyên nhân gây áp lực đối với môi trường đô thị trên địa bàn tỉnh.

Theo kết quả điều tra khối lượng phát sinh từ các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện là 4.260 kg/ngày, trong đó lượng chất thải y tế nguy hại là 535 kg/ngày (chiếm 8,3%); tổng lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh từ các trạm y tế cấp xã, phòng khám đa khoa tư nhân khoảng 150kg/ngày. Bên cạnh đó còn có lượng nước thải y tế phát sinh từ các bệnh viện và cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh khoảng 1.700 đến 2.300m3/ngày đêm. Hầu hết nước thải y tế đều được tách riêng với nước mưa chảy tràn để dẫn vào các công trình xử lý nước thải để xử lý riêng. Hiện nay có 10/19 bệnh viện công lập có hệ thống xử lý nước thải bằng công nghệ AAO và đệm vi sinh; 07 bệnh viện đa khoa tuyến huyện xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý sinh học tập trung. Riêng các phòng khám, các cơ sở y tế dự phòng, Trung tâm y tế xã và các cơ sở y tế tư nhân chưa có hệ thống xử lý nước thải y tế, chủ yếu xử lý thông qua bể tự hoại và xả ra theo hệ thống mương, rãnh thoát nước công cộng.

***4.2. Về môi trường các nghĩa trang, nghĩa địa:***

Thời gian qua trong phong trào xây dựng nông thôn mới, các xã đạt chuẩn nông thôn mới đã thực hiện việc lập quy hoạch nghĩa trang, nghĩa địa và đầu tư xây dựng đường vào, cổng, hàng rào. Tuy nhiên, việc đầu tư hạ tầng cho các khu nghĩa trang, nghĩa địa mới chỉ thực hiện bước đầu; việc chôn cất vẫn đang theo các phong tục, tập quán của dòng họ, chôn cất không theo quy hoạch, đang lộn xộn, tuỳ tiện. Đối với các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới thì hầu như chưa thực hiện việc quy hoạch và đầu tư xây dựng nghĩa trang, nghĩa địa. Hiện nay, Hà Tĩnh có đài hoá thân hoàn vũ Phúc Lạc Viên với tổng diện tích là 290.290 m2, là một khu nghĩa trang gắn với công viên, xanh - sạch - đẹp, có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại bao gồm khu táng và khu hỏa táng có công nghệ tiên tiến, không ảnh hưởng đến môi trường.

***4.3. Tồn lưu hóa chất BVTV từ thời kỳ chiến tranh để lại***

Ngoài lượng hóa chất, thuốc BVTV phát sinh trong sản xuất nông nghiệp, hiện nay ở Hà Tĩnh tình trạng ô nhiễm do tồn lưu hóa chất BVTV từ thời kỳ chiến tranh chống Mỹ (1967-1968) để lại với khối lượng khá lớn đang gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh. Theo Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình mục tiêu quốc gia về xử lý ô nhiễm môi trường do tồn dư hoá chất BVTV thì Hà Tĩnh có 11 điểm tồn lưu hóa chất BVTV và qua điều tra toàn tỉnh hiện còn 119 điểm ô nhiễm hóa chất BVTV tồn lưu (trong đó có 54 điểm có nồng độ DDT, 666 vượt giá trị giới hạn theo QCVN 54:2013/BTNMT). Các loại thuốc tồn lưu hoá chất BVTV bao gồm rất nhiều chủng loại và ở nhiều dạng khác nhau, từ dạng nước, dạng bột, dạng ống, dạng lẫn đất và cả loại không còn nhãn mác… Hầu hết các điểm tồn lưu hóa chất BVTV chủ yếu là trên nền các kho thuốc của ngành y tế, ngành nông nghiệp, các kho cũ của các xã, hợp tác xã hoặc trong vườn các hộ dân. Các nền kho đến nay đã hỏng, chỉ còn thuốc đã lẫn vào đất, bốc mùi nồng nặc, thậm chí có nơi đã nhiễm vào đất, vào nguồn nước... gây ảnh hưởng đến môi trường, ảnh hưởng trực tiếp đến người dân xung quanh các điểm tồn lưu.

**5. Thiên tai và sự cố môi trường**

***5.1. Thiên tai:***

Hà Tĩnh là tỉnh có địa hình phức tạp nên chịu nhiều của thiên tai. Theo thống kê từ năm 2011 đến 2016, Hà Tĩnh chịu ảnh hưởng của 11 cơn bão, 10 trận lũ, 29 vụ lốc xoáy kèm giông sét. Dưới sự tác động của các hiện tượng tai biến thiên nhiên, Hà Tĩnh đã chịu nhiều thiệt hại về người và tài sản (thống kê thiệt hại do thiên tai từ 2011-2016 có 40 người chết, 140 người bị thương, tổng thiệt hại về kinh tế là 31.262,9 tỷ đồng). Sau mỗi đợt thiên tai (bão, lốc, lũ lụt, lũ quét...) môi trường bị ô nhiễm nặng, ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân dân. Nguồn gây ô nhiễm chủ yếu do chất thải từ việc phân hủy cây cối, xác động thực vật,… đặc biệt là chất thải ở các bãi rác, các công trình vệ sinh, hệ thống thoát nước bị phá hủy chảy tràn ra môi trường. Cây cối, hoa màu bị chết vì bị ngâm trong nước lâu ngày; xác chết của một số loài động vật, gia súc, gia cầm làm phát sinh dịch bệnh cho người và gia súc gia cầm. Hơn nữa, các đợt mưa lũ thiên tai thường xảy ra trong giai đoạn giao mùa giữa mùa Hè và mùa Thu nên dễ bùng phát dịch bệnh.

***5.2. Sự cố môi trường (tràn dầu):***

Các hoạt động vận tải biển, trong những năm gần đây đã xẩy ra một số vụ tràn dầu trên biển gây tác động không nhỏ tới môi trường, làm huỷ hoại môi trường xung quanh khu vực xẩy ra sự cố. Sự cố tràn dầu không chỉ gây thiệt hại về kinh tế mà còn gây tác động lâu dài tới môi trường, nhất là môi trường biển. Thời gian từ 2011 đến nay trên địa bàn tỉnh xảy ra 02 vụ tràn dầu điển hình.

Ngày 23/5/2011, tại vùng bãi biển thuộc các xã Kỳ Phú, Kỳ Khang và Kỳ Ninh (huyện Kỳ Anh củ) xuất hiện dầu thô trôi dạt từ biển vào bờ thành vệt trên bãi cát (chiều dài khoảng 7 - 8 km, chiều rộng khoảng 1-3m); dầu thô đóng thành nhiều cục nhỏ dạng keo màu đen kích cở 1-4cm dính cát nằm trên các bãi biển phân bổ không đều. Các ngành chức năng cùng các địa phương đã phối hợp với Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu Miền Trung thu gom được 16,15 tấn và chuyển vào Đà Nẵng xử lý theo đúng quy định.

Tháng 7/2017, tại bãi tắm thị trấn Thiên Cầm, Cẩm Nhượng đã xuất hiện váng dầu từ biển trôi dạt vào bờ. Các ngành chức năng cùng với địa phương đã tổ chức thu gom được 2,75 tấn và đã vận chuyển về Nhà máy chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh xử lý theo đúng quy định.

**II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**1. Những kết quả đạt được**

**1.1. Công tác ban hành chủ trương, chính sách**

Nhận thức được tầm quan trọng về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, những năm gần đây, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã tập trung cao cho công tác bảo vệ môi trường, đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và các địa phương triển khai thực hiện kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về BVMT. Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành các nghị quyết có liên quan (gồm 04 Nghị quyết) và UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản cụ thể hóa, triển khai thực hiện các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh (gồm 03 chỉ thị, 03 kế hoạch, 17 quyết định), trong đó đã quy định các chính sách như: Chính sách hỗ trợ xử lý môi trường trong chăn nuôi, xây dựng nông thôn mới, chính sách khuyến khích hoả táng... *(Chi tiết tại phụ lục 01 kèm theo).* Đồng thời hàng năm vào các dịp lễ, tết, các đợt thiên tai bão lũ, dịch bệnh, UBND tỉnh, các ngành, tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội đã ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường như hướng dẫn triển khai hưởng ứng các ngày lễ, chiến dịch về môi trường, văn bản quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, văn bản hướng dẫn kỹ thuật bảo vệ môi trường trong phòng chống dịch bệnh, tiêu huỷ gia súc, gia cầm, xử lý môi trường sau lũ lụt; các văn bản, quy chế phối hợp thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại địa phương... Nhìn chung các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nêu trên đã từng bước đưa công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đi dần vào nề nếp.

**1.2. Công tác truyền thông và nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường**

Đây là hoạt động rất quan trọng nhằm phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu tới môi trường. Nắm bắt được tầm quan trọng của công tác này, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở ngành liên quan và địa phương triển khai tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường bằng nhiều hình thức. Từ năm 2014 đến nay đã tổ chức 04 lớp tập huấn các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường cho cán bộ quản lý môi trường cấp tỉnh, cấp huyện và cán bộ cấp xã với hơn 300 lượt người tham dự; cho cán bộ các đoàn thể cấp tỉnh như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Liên minh Hợp tác xã…; tập huấn hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu môi trường trong xây dựng nông thôn mới cho cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp của tỉnh; đã tổ chức 04 lớp đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng (PLG) trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh cho hơn 500 học viên; Tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo tuyên truyền về nước sạch, vệ sinh môi trường, thu gom và xử lý rác thải, xử lý ô nhiễm môi trường sau bão lũ…

Ngoài ra hàng năm tỉnh đã chỉ đạo các huyện, thành phố, thị xã tổ chức các đợt tuyên truyền, phổ biến các văn bản QPPL về TNMT cho hàng nghìn lượt người tham gia. Giai đoạn 2014-2016 ở cấp huyện cũng đã tổ chức 25 lớp tập huấn phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường, với hơn 1500 lượt người tham dự gắn việc tuyên truyền pháp luật về BVMT trong chương trình xây dựng nông thôn mới, trong đó các huyện tổ chức tuyên truyền, phổ biến tốt như: Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Lộc Hà, Nghi Xuân; đã tổ chức 45 lớp tập huấn về công tác xây dựng nông thôn mới cho các cán bộ Ban chỉ đạo xây dựng NTM cấp huyện và cấp xã với khoảng 2.000 lượt người tham gia.

Đặc biệt, từ năm 2011 đến nay, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã mở chuyên đề về TNMT, trong đó đã dành thời lượng và vị trí ưu tiên trong chương trình phát thanh truyền hình để tuyên truyền về TNMT đã góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ TNMT.

Công tác tuyên truyền còn được tổ chức qua các hội thi với nội dung tuyên truyền cổ động về môi trường; cấp phát tờ rơi với các chủ đề về nước sạch vệ sinh môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ tài nguyên rừng và tài nguyên biển…; phát động các phong trào ra quân làm vệ sinh môi trường, treo bằng cờ khẩu hiệu, mitting diễu hành cổ động… Các hoạt động này củng đã thu hút hàng trăm ngàn người tham dự, thông qua đó nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân, góp phần đưa hoạt động BVMT đi vào nề nếp và xây dựng ý thức tự giác BVMT trong mỗi người dân.

**1.3. Công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp phép xả thải**

Từ năm 2011 đến nay: Trên địa bàn tỉnh, Bộ TNMT đã thẩm định phê duyệt 32 ĐTM theo thẩm quyền; cấp tỉnh đã thẩm định 395 hồ sơ Báo cáo ĐTM[[15]](#footnote-15), 23 Đề án BVMT chi tiết, 350 Đề án BVMT đơn giản, 117 hồ sơ phương án cải tạo, phục hồi môi trường; cấp huyện đã xác nhận 1.607 hồ sơ cam kết/ kế hoạch BVMT. Theo đó công tác cải cách hành chính đã được quan tâm chỉ đạo, ban hành bộ thủ tục hành chính, đã tham mưu rút ngắn thời gian thẩm định phê duyệt ĐTM từ 50 ngày xuống 20 ngày, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư triển khai các công trình, dự án.

Nhìn chung, công tác thẩm định hồ sơ môi trường ở cấp tỉnh ngày càng chặt chẻ và chất lượng (thành viên hội đồng thẩm định là đại diện Lãnh đạo các Sở, ngành, địa phương; một số dự án lớn, nhạy cảm môi trường có mời chuyên gia tham gia hội đồng), qua đó từng bước nâng cao hiệu quả, phát huy tính dự báo tác động môi trường, chủ động trong việc phòng ngừa, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm đến môi trường, các tác động xấu đến môi trường trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, công tác kiểm tra, giám sát sau thẩm định còn hạn chế, toàn tỉnh mới chỉ có 09 dự án được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường. Ở cấp huyện việc xác nhận hồ sơ cam kết/ kế hoạch BVMT còn hạn chế, đang mang tính hình thức, thủ tục.

Cùng với nội dung trên, thời gian qua UBND tỉnh đã chỉ đạo, Sở TNMT đã hướng dẫn và tổ chức kiểm tra, cấp được 246 giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (mới chủ yếu là các dự án hoạt động sản xuất dịch vụ thương mại khách sạn, nhà hàng, cơ sở y tế …), hoạt động này đã góp phần quản lý kiểm soát môi trường nước được tốt hơn.

**1.4. Công tác quản lý chất thải:**

Để xử lý lượng chất thải phát sinh trên địa bàn, trong những năm qua UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai nhiều biện pháp như xây dựng quy hoạch quản lý chất thải rắn cho các đô thị[[16]](#footnote-16); mở rộng mạng lưới thu gom, vận chuyển chất thải rắn; triển khai mô hình phân loại rác tại nguồn; đầu tư hạ tầng các khu xử lý, mời gọi xã hội hoá về công tác BVMT … Kết quả đạt được như sau:

*a) Đối với chất thải rắn sinh hoạt:* Theo số liệu tổng hợp báo cáo của các địa phương thì lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tăng dần hằng năm[[17]](#footnote-17) *(Chi tiết tại biểu phụ lục 02 kèm theo)*.

*- Về thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt:* Tính đến nay trên địa bàn tỉnh đã có 204 đơn vị (05 công ty, 171 hợp tác xã và 28 tổ đội vệ sinh môi trường) với 2.264 lao động thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải [[18]](#footnote-18); trang thiết bị đầu tư cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý của các đơn vị những năm gần đây được tăng lên về số lượng và chất lượng. Đến nay các HTX, tổ đội VSMT và Công ty đã được trang bị 2.330 xe đẩy tay, 1.408 thùng đựng rác, 147 xe tải các loại, 30 xe ép rác chuyên dụng*.* Các Công ty được thành lập với bộ máy tổ chức chặt chẽ, có trụ sở làm việc; trang bị, phương tiện tương đối đảm bảo, khối lượng rác thải thu gom xử lý đạt tỷ lệ tương đối cao. Riêng các HTX môi trường có 22,4% hoạt động hiệu quả, 52,9% trung bình, 18,2 % kém hiệu quả, 4,7% mới đi vào hoạt động chưa đánh giá, 1,8% ngừng hoạt động. Vốn điều lệ bình quân đạt 430 triệu đồng/HTX; doanh thu bình quân đạt 186 triệu đồng/HTX; lợi nhuận bình quân đạt 25 triệu đồng/HTX; thu nhập bình quân đạt 1,6 triệu đồng/người/tháng…Một số HTX môi trường hoạt động tốt như: HTX môi trường Tân Phát (xã Cương Gián), HTX môi trường thị trấn Tây Sơn, HTX môi trường thị trấn Đức Thọ.

Mạng lưới các công ty, hợp tác xã, tổ đội vệ sinh môi trường đã góp phần tích cực trong công tác thu gom, vận chuyển rác thải, lượng rác thải được thu gom, vận chuyển tăng lên qua các năm: 2014: 395,4 tấn/ngày; 2015: 464,7 tấn/ngày; 2016: 518 tấn/ngày. Tỷ lệ thu gom năm 2016 trung bình của khu vực đô thị và nông thôn đạt 80%, trong đó khu vực đô thị đạt 89,7%, khu vực nông thôn đạt khoảng 70%) Một số địa phương tỷ lệ thu gom đạt khá cao như ở thành phố Hà Tĩnh (91,5%), thị xã Hồng Lĩnh (89,6%), tuy nhiên cũng có một số huyện có tỷ lệ thu gom còn thấp như huyện Vũ Quang (53,6%), huyện Kỳ Anh (62,8%).

*- Về công nghệ xử lý rác thải sinh hoạt:* Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 03 loại hình công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, bao gồm các nhà máy xử lý, các khu chôn lấp và các lò đốt độc lập, cụ thể:

*\* Có 02 nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt đang hoạt động gồm:*

- Nhà máy chế biến phân hữu cơ từ rác thải sinh hoạt tại xã Cẩm Quan, huyện Cẩm Xuyên với công suất thiết kế là xử lý 200 tấn rác thải/ngày đêm, nhưng thực tế mới chỉ xử lý đạt 120 tấn rác thải/ngày đêm phục vụ các xã thuộc huyện Cẩm Xuyên và TP Hà Tĩnh. Hiện đã đầu tư thêm dây chuyền công nghệ đốt công suất 72 tấn/ngày.

- Nhà máy chế biến rác thải sinh hoạt Hoành Sơn tại xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh với công suất thiết kế là 500 tấn/ngày đêm, công suất giai đoạn 1 là 240 tấn/ngày đêm để xử lý rác thải sinh hoạt cho thị xã Kỳ Anh và khu kinh tế Vũng Áng, công suất thực tế hiện nay khoảng 50 tấn/ngày.

Ngoài ra, có 2 nhà máy đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư và đang hoàn thiện các thủ tục để triển khai dự án gồm: Nhà máy xử lý rác tại xã Hồng Lộc huyện Lộc Hà công suất 200 tấn/ngày đêm, trong đó giai đoạn đến 2020 là 100 tấn/ngày đêm và nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt tại thị trấn Nghèn huyện Can Lộc công suất thiết kế: 40 tấn/ngày đêm).

*\** Trên địa bàn hiện có 05 bãi chôn lấp hợp vệ sinh đang hoạt động[[19]](#footnote-19); bãi chôn lấp ở xã Đức Bồng, huyện Vũ Quang đang GPMB chuẩn bị xây dựng. Một số bãi rác đã ngừng hoạt động và đang làm thủ tục đóng cửa[[20]](#footnote-20). Ngoài ra có 07 bãi chôn lấp tự phát ở các địa phương hiện đang rà soát chuyển đổi hình thức lò đốt hoặc ngừng tiếp nhận rác để xử lý tồn tại.

*\* Lò đốt chất thải rắn:* Toàn tỉnh hiện có 07 lò đốt không sử dụng nhiên liệu được đầu tư độc lập, trong đó: 4 lò UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư[[21]](#footnote-21) và 3 lò tự phát[[22]](#footnote-22) các địa phương, đơn vị đã lắp đặt, vận hành. Để đáp ứng nhu cầu bức xúc về xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh tại các địa phương, mới đây tỉnh đã cho chủ trương lắp đặt thêm 08 lò đốt trên địa bàn các huyện Thạch Hà, Hương Sơn, Hương Khê[[23]](#footnote-23). Đối với các lò đốt đã lắp đặt và đi vào hoạt động về cơ bản đáp ứng được nhu cầu xử lý rác thải phát sinh cho các địa phương, chi phí vận hành bình quân từ 1,5-2,5 triệu đồng/ngày do các Chủ đầu tư lò đốt đang tự cân đối hoặc tự bỏ chi phí để vận hành, kinh phí xử lý rác tại các lò đốt chưa được bố trí, thanh toán kịp thời.

*b) Đối với chất thải rắn công nghiệp (bao gồm cả CTNH):* Trên địa bàn tỉnh mới chỉ có Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp tại xã Kỳ Tân - huyện Kỳ Anh do Công ty TNHH MTV chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh làm chủ đầu tư với công suất 1.060 tấn/ngày (trong đó xử lý CTNH công suất 400 tấn/ngày) đã được Bộ TNMT cấp giấy phép xử lý CTNH số QLCTNH: 3.098.VX ngày 15/9/2016. Hiện nay, Công ty đang dự kiến đầu tư trang thiết bị để nâng công suất xử lý lên 3.300 tấn/ngày.

Năm 2016, 2017 Công ty đã tiếp nhận và xử lý chất thải công nghiệp thông thường và nguy hại trên địa bàn tỉnh (năm 2016 xử lý 1.724 tấn chất thải thông thường; 907 tấn CTNH; 07 tháng đầu năm năm 2017 xử lý 4.410 tấn chất thải thông thường, 4.231 tấn CTNH). Ngoài ra, trong năm 2017, Công ty còn tiếp nhận xử lý khoảng 11.000 tấn tro bay của Công ty Formosa (đang được lưu giữ tại 03 kho chứa của Công ty Hoành Sơn). So với công suất thiết kế và tình hình phát sinh chất thải công nghiệp trên địa bàn thì thời gian tới, Công ty vẫn đủ khả năng đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải.

Hiện nay tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư và phê duyệt quy hoạch Dự án Nhà máy xử lý rác thải công nghiệp tại huyện Lộc Hà do Công ty cổ phần Môi trường và xử lý rác thải An Dương làm chủ đầu tư với công suất xử lý 250 tấn/ngày tương đương 91.000 tấn/năm, Công ty đang chuẩn bị các thủ tục để triển khai xây dựng nhà máy.

Cùng với việc đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải công nghiệp, hiện nay, tỉnh đang yêu cầu đơn vị có chức năng xử lý CTNH trên địa bàn lắp đặt và đăng ký thiết bị định vị GPS đối với phương tiện vận chuyển CTNH để theo dõi, giám sát.

***1.5. Kết quả xử lý tồn lưu hoá chất BVTV và cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng***

*1.5.1. Kết quả xử lý các điểm tồn lưu hóa chất BVTV:*

Đối với 11 điểm tồn lưu hóa chất BVTV theo Quyết định 1946/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Giai đoạn 2011-2015, UBND tỉnh đã giao Sở TN&MT chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng triển khai xử lý 08 điểm, đến nay đã cơ bản hoàn thành 07/08 điểm (còn 01 điểm ở Khối 6 thị trấn Phố Châu đã khảo sát, lập dự án và đưa vào vốn trung hạn 2018-2020); 03 điểm còn lại theo Quyết định số 1946 (giai đoạn sau 2015), vừa qua đã đánh giá lại và đưa vào trong số 119 điểm ô nhiễm hóa chất BVTV tồn lưu nêu ở Mục 3.5-I Quyết định 1946. Hiện nay trong số 119 điểm ô nhiễm, đã lập dự án triển khai giai đoạn 2016-2020 tại 06 điểm ô nhiễm nặng với kinh phí 72 tỷ đồng, hiện nay đang trình Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để triển khai thực hiện; số điểm ô nhiễm còn lại đang lên Kế hoạch để triển khai thực hiện trong thời gian tới.

*1.5.2. Kết quả xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng*

Theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Hà Tĩnh có 04 cơ sở thuộc diện phải xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, đến nay, cả 04/04 cơ sở đã hoàn thành và được rút ra khỏi danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo quy định.

Thực hiện Thông tư số 07/2007/TT-BTNMT ngày 03/7/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn phân loại và quyết định danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường cần phải xử lý, tỉnh Hà Tĩnh có 06 bệnh viện[[24]](#footnote-24) và 02 bãi rác[[25]](#footnote-25) được đưa vào danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải xử lý triệt để. Đến nay, đã có 02 bệnh viện *(Bệnh viện đa khoa huyện Kỳ Anh và bệnh viện đa khoa huyện Can Lộc)* đã thực hiện xong việc xử lý ô nhiễm môi trường, Sở TN và MT đã cấp Giấy chứng nhận hoàn thành việc xử lý triệt để; 04 bệnh viện *(bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà, thành phố Hà Tĩnh, Bệnh viện đa khoa tỉnh và bệnh viện Phục hồi chức năng*) đã hoàn thành xử lý nhưng chưa lập hồ sơ xác nhận hoàn thành xử lý triệt để; 02 bãi rác *(thị xã Kỳ Anh và thị xã Hồng Lĩnh)* đã được Trung ương hỗ trợ kinh phí (15,766 tỷ đồng), hiện đang điều chỉnh dự án để triển khai xử lý, dự kiến hoàn thành trong năm 2018.

***1.6. Công tác thanh tra, kiểm tra***

Từ năm 2011 đến nay chúng ta đã chỉ đạo tập trung cao cho công tác thanh kiểm tra, ở cấp tỉnh đã chủ động tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với trên 340 cơ sở sản xuất, kinh doanh. Qua thanh tra đã xử phạt vi phạm hành chính đối với 43 cơ sở có sai phạm về lĩnh vực môi trường với số tiền 572,75 triệu đồng. Riêng lĩnh vực chăn nuôi, toàn tỉnh đã kiểm tra 246 cơ sở chăn nuôi tập trung (cấp tỉnh kiểm tra 27 cơ sở, cấp huyện kiểm tra 219 cơ sở), qua đó đã xử phạt tổng số tiền 246,75 triệu đồng. Ngoài ra đã phối hợp với Thanh tra Bộ TNMT, Tổng cục Môi trường tổ chức thanh tra, kiểm tra tại các dự án lớn trên địa bàn tỉnh.

Về lĩnh vực kinh doanh phân bón, thức ăn chăn nuôi, hóa chất BVTV, trong năm 2015-2016 đã tổ chức thanh tra, kiểm tra gần 600 cơ sở sản xuất, kinh doanh, vận chuyển hóa chất, thuốc BVTV, phân bón vô cơ, trong đó xử lý 323 cơ sở vi phạm, xử phạt hành chính 306 triệu đồng, tiêu hủy 181 gói thuốc BVTV các loại, 30 chai và 1,5 kg thuốc diệt cỏ, 2,5 tấn phân bón, thu hồi 255 gói thuốc BVTV và lập biên bản đình chỉ 14 cơ sở nhỏ lẻ không đủ điều kiện kinh doanh; buộc tiêu hủy, chuyển đổi mục đích sử dụng đối với 3,8 tấn phân bón.

Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra nêu trên, bước đầu đã kịp thời chấn chỉnh, yêu cầu các đơn vị khắc phục các tồn tại trong công tác BVMT đồng thời nâng cao trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của các cấp các ngành và ý thức chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.

***1.7. Công tác kiểm soát chất lượng môi trường***

***1.7.1. Quan trắc môi trường theo mạng lưới được phê duyệt***

Từ năm 2010 đến nay, mạng lưới quan trắc liên tục được điều chỉnh và tăng dày mật độ điểm quan trắc nhằm đáp ứng yêu cầu đánh giá chất lượng môi trường phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định về phê duyệt mạng lưới quan trắc[[26]](#footnote-26) với số điểm quan trắc hiện nay là 286 điểm. Kết quả quan trắc từ 2010 đến nay cho thấy chất lượng môi trường hiện nay tương đối ổn định, tuy nhiên có một số thành phần môi trường như chất lượng nước ở các sông gần khu vực đô thị, các khu trang trại, các khu giết mổ gia súc tập trung; chất lượng môi trường không khí tại khu vực KKT Vũng Áng .... đã có dấu hiệu nguy cơ ô nhiễm nếu như không có các giải pháp khắc phục kịp thời.

Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Trạm quan trắc và cảnh báo môi trường biển 04 tỉnh miền Trung trong đó có Khu kinh tế Vũng Áng và vùng phụ cận. UBND tỉnh đã chỉ đạo lập và đang trình Dự án khả thi để phê duyệt; việc triển khai dự án này sẽ góp phần vào công tác giám sát chất lượng môi trường tại Khu kinh tế Vũng Áng và vùng phụ cận.

***1.7.2. Quan trắc tự động (quan trắc online)***

Để quản lý nguồn phát thải trên địa bàn, UBND tỉnh đã chỉ đạo và yêu cầu 3 đơn vị có nguồn phát thải lớn là: Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh, Công ty điện lực dầu khí Hà Tĩnh và Công ty Formosa Hà Tĩnh đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải, nước thải tự động theo quy định. Đến nay, các đơn vị đã hoàn thành việc lắp đặt thiết bị quan trắc tự động theo yêu cầu và truyền số liệu liên tục 24/24 giờ về Trung tâm điều hành hệ thống quan trắc tự động của Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát. Kết quả giám sát chất lượng môi trường qua hệ thống quan trắc tự động đã góp phần kiểm soát và nâng cao ý thức trách nhiệm chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các đơn vị trong việc xả thải.

***1.8. Đầu tư, hỗ trợ kinh phí công tác bảo vệ môi trường***

***1.8.1. Về kinh phí sự nghiệp môi trường:***

Thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị và Quyết định số 34/2005/QĐ-TTg ngày 22/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành lập dự toán chi sự nghiệp môi trường theo dự toán Bộ Tài chính giao.

Việc đầu tư kinh phí cho sự nghiệp môi trường đã tăng theo từng năm: năm 2011 là 37,48 tỷ đồng, đến năm 2016 là 155,3 tỷ đồng, trong đó đã đầu tư 149,3 tỷ đồng cho các dự án xử lý thuốc BVTV tồn lưu, xử lý ô nhiễm môi trường bệnh viện và xử lý bãi rác. Trong thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020, ngân sách tỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường cho các địa phương số tiền 58,16 tỷ (bao gồm 30 tỷ đồng bổ sung cho kinh phí vận chuyển, xử lý rác).

Kinh phí sự nghiệp môi trường trong đó mới tập trung chủ yếu vào các nội dung như: Xử lý các điểm nóng về môi trường, xử lý hoá chất bảo vệ thực vật tồn lưu, quan trắc mạng lưới môi trường, hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở khu dân cư. Ngoài ra, kinh phí sự nghiệp môi trường còn được phân bổ thực hiện các nhiệm vụ như xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường; tuyên truyền, phổ biến pháp luật nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; tổ chức các ngày lễ, chiến dịch về môi trường; thanh kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về môi trường; xử lý các sự cố môi trường...

***1.8.2. Về chính sách hỗ trợ:***

Từ 2010 đến nay ngoài chính sách quy định của Trung ương về khuyến khích đầu tư, hoạt động công tác BVMT, Tỉnh ta đã ban hành một số văn bản trong đó có nội dung hỗ trợ khuyến khích đầu tư và hoạt động trong công tác BVMT quá trình thực hiện trên địa bàn tỉnh với tổng kinh phí đã hỗ trợ 55.815 triệu đồng (chưa kể kinh phí hỗ trợ về san lấp mặt bằng, rà phá bom mìn, hạ tầng kỷ thuật, khoa học công nghệ, trang thiết bị máy móc mới và tiền đất cho các dự án đầu tư về thu gom, vận chuyển rác thải, xử lý rác thải, chất thải, xử lý môi trường theo Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 21/3/2012 của UBND tỉnh), trong đó:

*a. Hỗ trợ hợp tác xã môi trường (theo Nghị quyết 122/2010/NĐ-HĐND ngày 30/7/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh), tổng số tiền 14.256,43 triệu đồng, bao gồm:*

**-** Hỗ trợ thành lập mới HTX môi trường: 1.730 triệu đồng;

**-** Hỗ trợ mua xe ô tô vận chuyển rác thải (100 triệu đồng/HTX): 8.700 triệu đồng;

- Hỗ trợ mua xe đẩy tay, thùng rác, chế phẩm sinh học (từ năm 2010-2016): 3.826,43 triệu đồng;

*b. Hỗ trợ xây dựng công trình, lập thủ tục BVMT trong chăn nuôi, giết mổ gia súc gia cầm (theo Nghị quyết số 90/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014, Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh), tổng số tiền: 41.559 triệu đồng, bao gồm:*

**-** Hỗ trợ kinh phí lập quy hoạch chi tiết, xây dựng hạ tầng về chuồng trại, hệ thống nước, xử lý chất thải, báo cáo đánh giá tác động môi trường cho các cơ sở chăn nuôi lợn nái: 28.000 triệu đồng (trong đó có 5.600 triệu đồng cho công trình xử lý môi trường);

- Hỗ trợ xây mới (nhà xưởng, xử lý chất thải, thiết bị) cho các cơ sở giết mổ gia súc gia cầm tập trung; số tiền: 12.820,0 triệu đồng;

- Hỗ trợ lập Cam kết BVMT: 739 triệu đồng

**2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

**2.1. Tồn tại, hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong công tác bảo vệ môi trường hiện nay vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Nhận thức của cấp uỷ đảng chính quyền về môi trường chưa cao, còn nặng về thu hút đầu tư để phát triển kinh tế chưa chú trọng đến bảo vệ môi trường.

- Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở một số địa phương, một số lĩnh vực còn yếu; còn để xảy ra tình trạng một số dự án đi vào hoạt động trước khi được phê duyệt hồ sơ BVMT; Hồ sơ kế hoạch BVMT nhất là hồ sơ môi trường cấp huyện xác nhận chất lượng thấp gây khó khăn cho công tác triển khai thực hiện và thanh tra, kiểm tra; Số lượng các cơ sở sản xuất kinh doanh được xác nhận hoàn thành công trình BVMT còn ít (mới chỉ có 08 đơn vị trên toàn tỉnh);

- Công tác xây dựng, quản lý và triển khai quy hoạch[[27]](#footnote-27) còn nhiều bất cập, chồng chéo, chưa đáp ứng tiêu chí khoảng cách đến khu dân cư, đến nguồn nước dẫn đến việc triển khai quy hoạch gặp nhiều khó khăn; một số ngành, địa phương khi chấp thuận chủ trương đầu tư, xây dựng không thực hiện nghiêm túc, quy hoạch, chưa chú trọng tiêu chí môi trường[[28]](#footnote-28); quy hoạch chất thải rắn khu vực nông thôn chưa được quan tâm.

- Các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, làng nghề hầu hết đều chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung, mới chỉ có 03/22 CCN đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung thì hiện đã bắt đầu xuống cấp; hầu hết các đô thị chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống thoát nước mưa còn chung với nước thải sinh hoạt (mới chỉ có thị xã Hồng Lĩnh đầu tư hệ thống xử lý nước thải đô thị).

- Công tác phân loại chất thải rắn tại nguồn mới chỉ dừng lại ở mô hình; việc tái chế, tái sử dụng chưa được chú trọng; Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn còn thấp đặc biệt là ở khu vực nông thôn; Vẫn còn tình trạng vứt rác thải bừa bãi dọc các trục đường giao thông, khe suối, cầu cống gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường; việc đầu tư, quản lý vận hành lò đốt chưa đồng bộ, chưa kiểm soát được khí thải (đặc biệt là thông số dioxin/furan); nhiều bãi chôn lấp quá tải gây ô nhiễm môi trường nhưng chưa được đầu tư kinh phí để xử lý, đóng cửa; tình trạng lạm dụng túi ni lông trong tiêu dùng ngày càng nhiều.

- Việc thống kê, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại còn bất cập đặc biệt là với các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, phát sinh khối lượng CTNH dưới 600kg/năm; một khối lượng CTNH phát sinh từ các cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ, hộ gia đình và cá nhân vẫn đang được thu gom và xử lý chung với rác thải sinh hoạt;

- Tình trạng vỏ bao bì đựng HCBVTV vứt bừa bãi trên đồng ruộng, kênh mương vẫn đang diễn ra gây nguy cơ ô nhiễm môi trường; một số địa phương đã xây dựng bể chứa ở đồng ruộng nhưng chưa có phương án xử lý phù hợp; việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 252/KH-UBND về quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV trên địa bàn chưa thực sự hiệu quả; Số điểm tồn lưu HCBVTV tại các địa phương hiện nay đang còn nhiều (gần 120 điểm), cần kinh phí đầu tư lớn để xử lý dứt điểm, kịp thời.

- Nhiều cơ sở sản xuất còn lúng túng trong việc thu gom, xử lý, tái sử dụng đối với tro xỉ nhiệt điện, phế liệu,… Nhiều doanh nghiệp, cơ sở sản xuất chưa ưu tiên đầu tư cho công tác BVMT hoặc có đầu tư công trình BVMT nhưng không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình, hoạt động mang tính chất đối phó; nhiều đơn vị không thực hiện chế độ quan trắc môi trường định kỳ hoặc có quan trắc nhưng không gửi kết quả cho cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

- Ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi nhất là các trang trại nuôi lợn tập trung chưa được xử lý triệt để và chăn nuôi quy mô nông hộ trong khu dân cư đang là vấn đề, ảnh hưởng đến nguồn nước, dân cư xung quanh nhưng chưa có giải pháp xử lý; Tình trạng ô nhiễm môi trường trong nuôi trồng thủy sản đặc biệt là ô nhiễm môi trường nước đang diễn ra khá phổ biến, nhiều cơ sở nuôi trồng thủy sản có lưu lượng xả thải lớn, sau tái sử dụng nước ao nuôi qua ao lắng rồi xả thẳng ra sông, biển. Hầu hết các cơ sở chăn nuôi, NTTS chưa lập thủ tục hoàn thành xác nhận công trình BVMT và cấp phép xả thải vào nguồn nước trước khi vận hành dự án (đến nay mới chỉ có 02 cơ sở chăn nuôi được xác nhận hoàn thành công trình BVMT; và 01 cơ sở nuôi trồng thủy sản được cấp phép xả thải).

- Ngân sách đầu tư cho công tác BVMT còn hạn chế, đang tập trung cho công tác tuyên tuyền phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường thông qua các chiến dịch truyền thông; quan trắc mạng lưới, việc xử lý các điểm tồn lưu hoá chất BVTV từ chiến tranh để lại mới chỉ đầu tư xử lý đối với một số điểm cấp bách, nhiều điểm qua điều tra đã xác định hàm lượng tồn lưu thuốc BVTV cao nhưng chưa được đầu tư kinh phí để xử lý dứt điểm. Nhiều nội dung về bảo vệ môi trường chưa được bố trí kinh phí đầu tư như việc xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung cho các đô thị nhất là thành phố Hà Tĩnh, các khu công nghiệp, cụm CN nhất là KCN Vũng Áng 1, KCN Gia Lách, KCN Đại Kim; bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt...

- Sự phối hợp giữa các ngành, các địa phương còn thiếu chặt chẽ, hiệu quả chưa cao đặc biệt là trong quá trình xây dựng quy hoạch, trong thanh tra, kiểm tra; còn lúng túng trong ứng phó với các sự cố về môi trường.

- Một số tồn tại trong việc thực hiện các cơ chế chính sách về bảo vệ môi trường: Thời gian qua, Tỉnh chưa có cơ chế, chính sách riêng về bảo vệ môi trường mà cơ chế chính sách về bảo vệ môi trường đang được lồng ghép trong một số chính sách theo các lĩnh vực khác nhau như: chính sách hỗ trợ HTX môi trường theo Nghị quyết số 122/2010/NQ-HĐND ngày 30/7/2010 của HĐND tỉnh; chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, nông thôn theo Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh (thay thế Nghị quyết số 90/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014); chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trong lĩnh vực môi trường gồm thu gom, vận chuyển rác thải, xử lý rác thải, chất thải, xử lý môi trường theo Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 21/3/2012 của UBND tỉnh; chính sách hỗ trợ khuyến khích hoả táng theo Quyết định số 40/2017/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh... Việc ban hành các chính sách trên đã góp phần quan trọng đối với công tác bảo vệ môi trường. Tuy vậy, qua quá trình thực hiện các chính sách trên vẫn còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế như:

*+ Đối với chính sách hỗ trợ hợp tác xã môi trường:* Chính sách hỗ trợ HTX môi trường chưa đầy đủ, chưa có các chính sách hỗ trợ HTX môi trường mua xe chở rác chuyên dụng nên hiệu quả thu gom rác thải thấp; các HTX môi trường vẫn đang sử dụng xe đẩy tay cũ với đặc thù thùng chứa rác ở trước gây ảnh hưởng đến sức khoẻ người lao động; chưa có chính sách hỗ trợ mua chế phẩm sinh học để xử lý mùi hôi nên rác thải sau khi được thu gom về bãi tập kết gây ô nhiễm môi trường.

*+ Đối với chính sách hỗ trợ trong lĩnh vực chăn nuôi:* chính sách hỗ trợ trong chăn nuôi mới chỉ đáp ứng cho việc lập quy hoạch, hoàn thiện thủ tục về môi trường, đầu tư một phần cho các công trình xử lý môi trường nhưng chưa đáp ứng việc xử lý môi trường đạt quy chuẩn cho phép dẫn đến việc các cơ sở chăn nuôi tập trung gây ô nhiễm môi trường sống, ô nhiễm nguồn nước…

*+ Đối với chính sách về thu gom, vận chuyển rác thải, xử lý rác thải:* chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với loại hình này đang thực hiện như đối với các loại hình khuyến khích đầu tư thuộc các lĩnh vực khác, trong khi đây là lĩnh vực thu hồi vốn chậm, khả năng sinh lợi thấp do đó chưa khuyến khích được nhiều các doanh nghiệp vào đầu tư trong lĩnh vực xử lý chất thải sinh hoạt.

**2.2. Nguyên nhân**

***2.2.1. Nguyên nhân khách quan***

- Hà Tĩnh đang trong giai đoạn tập trung cao cho phát triển kinh tế, tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa, đầu tư phát triển rất cao, kéo theo nhiều áp lực đến môi trường. Việc đầu tư các công trình dự án lớn như Formosa vượt ngoài tầm kiểm soát về môi trường so với trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ cấp tỉnh.

- Hà Tĩnh là khu vực chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi biến đổi khí hậu diễn biến nhanh hơn so với dự báo làm phức tạp thêm các vấn đề về môi trường.

- Hà Tĩnh là tỉnh có nguồn ngân sách còn thấp (thu chưa đủ chi), trong khi đó việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật BVMT như hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, nông thôn đòi hỏi kinh phí lớn, thu hồi vốn và sinh lợi chậm, kinh phí đầu tư từ ngân sách và việc kêu gọi được các nhà đầu tư trong và ngoài nước khó khăn.

- Hệ thống chính sách pháp luật về môi trường còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ gây khó khăn cho việc tổ chức triển khai thực hiện (cụ thể: chưa thống nhất quy trình giữa đánh giá tác động môi trường với chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; chưa có thông tư hướng dẫn về quản lý chất thải rắn thông thường, quản lý phế liệu trong nước; quy định về khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường đối với một số loại hình dự án thiếu thống nhất giữa các bộ ngành và còn bất cập với thực tế; quy định hướng dẫn về tái chế, tái sử dụng, đồng xử lý tro xỉ nhiệt điện, luyện thép chưa rõ ràng, đầy đủ; quy định về việc cấp phép xả thải đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản còn bất cập nên khó khăn cho việc cấp phép xả thải[[29]](#footnote-29); định mức thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp môi trường còn thiếu cụ thể;…).

***2.2.2. Nguyên nhân chủ quan***

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách pháp luật về BVMT có thực hiện nhưng còn hạn chế, chưa tuyên truyền sâu rộng đến tận người dân, nhiều nội dung chậm đi vào cuộc sống; Ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận người dân, doanh nghiệp còn hạn chế, chưa chấp hành các quy định về môi trường;

- Sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp về công tác bảo vệ môi trường gắn với phát triển kinh tế chưa đúng mức, thậm chí có khi còn buông lỏng; Sự phối hợp giữa các ngành, các địa phương còn thiếu chặt chẽ, hiệu quả chưa cao đặc biệt là trong quá trình xây dựng quy hoạch, trong thanh tra, kiểm tra.

- Nguồn lực đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường còn hạn chế, nguồn lực tài chính, nhân lực và trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác chưa đáp ứng được yêu cầu đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay. Theo quy định tại Nghị quyết 41 của Bộ Chính trị thì kinh phí sự nghiệp môi trường được trích 01% tổng chi ngân sách, tuy nhiên việc phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường hiện nay ở tất cả các cấp chưa đảm bảo, còn dàn trải, chưa hướng dẫn cụ thể các nhiệm vụ chi, hiệu quả sử dụng chưa cao; Ở cấp huyện chưa bố trí kinh phí cho công tác BVMT. Việc xây dựng cơ chế, chính sách chưa được nghiên cứu đánh giá kỷ nên chưa sát với tình hình …

- Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thiếu về số lượng và yếu về chất lượng đặc biệt là bộ máy ở cấp huyện, xã[[30]](#footnote-30);

- Công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường của các cấp, các ngành và các địa phương còn nhiều hạn chế; kiểm tra việc thực hiện các nội dung theo Báo cáo ĐTM được phê duyệt và Kế hoạch BVMT được xác nhận chưa triển khai được nhiều; nhiều địa phương chưa xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, chủ yếu là giải quyết các vụ việc phát sinh; việc xử lý vi phạm còn chưa nghiêm; chưa quan tâm hướng dẫn biện pháp khắc phục và phúc tra vi phạm.

**Phần thứ hai:**

**QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

**TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**ĐẾN NĂM 2025 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO**

**I. DỰ BÁO NGUỒ THẢI ĐẾN NĂM 2025 VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI**

Cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, quá trình công nghiệp hoá của tỉnh thì áp lực đến môi trường ngày càng gia tăng, trong đó tập trung tại KKT Vũng Áng, KKT Cầu treo, đặc biệt là KKT Vũng Áng với nhiều dự án trọng điểm về luyện thép của Công ty Formosa, các dự án nhiệt điện 1, 2, 3. Đối với khu vực đô thị và nông thôn, cùng với việc tập trung cho xây dựng nông thôn mới, chỉnh trang đô thị thì áp lực đối với vấn đề về xử lý rác thải, xử lý nước thải, thoát thải ở các khu dân cư, xử lý chất thải trong chăn nuôi ngày càng lớn. Đối với khu vực ven biển, đây là khu vực sẽ chịu nhiều tác động môi trường do đây là nguồn tiếp nhận chất thải từ đất liền thải ra, mặt khác khu vực ven biển có các dự án lớn, nếu thời gian tới, dự án khai thác mỏ sắt Thạch Khê đi vào hoạt động thì môi trường ven biển sẽ nhiều biến động. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu bất thường tác động đến môi trường của tỉnh đang đặt ra nhiều vấn đề cấp bách cần giải quyết.

**1. Về chất thải rắn:**

*- Chất thải rắn sinh hoạt:* Năm 2016, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh là 647,76 tấn/ngày với dân số 1.266.723 người. Tốc độ gia tăng dân số bình quân ở tỉnh khoảng 0,466%/năm thì dự báo đến năm 2025 dân số bình quân tỉnh Hà Tĩnh khoảng 1.320.850 người. Theo tính toán khối lượng chất thải rắn sinh hoạt những năm gần đây là 0,04%/năm. Như vậy lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh dự báo đến năm 2025 khoảng **960 tấn/ngày**.

*- Chất thải rắn công nghiệp:* Với tốc độ phát sinh chất thải rắn công nghiệp những năm gần đây khoảng 0,15% mỗi năm thì dự báo đến năm 2025 lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh khoảng 619.000 tấn. Theo dự báo đến năm 2025 các nhà máy nhiệt điện Formosa, Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhiệt điện Vũng Áng 2, Nhiệt điện Vũng Áng 3.1, Dự án Formosa với 2 lò cao đi vào hoạt động thì lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh mỗi năm **khoảng 7,4 triệu tấn/năm** (chất thải nguy hại khoảng 35.537 tấn/năm), trong đó chủ yếu tro, xỉ các nhà máy nhiệt điện khoảng 1,8 triệu tấn/năm; bùn, bụi, xỉ thép, xỉ lò cao và các loại chất thải CN khác khoảng 5,6 triệu tấn/năm; khí thải công nghiệp 200 triệu m3/ngày tập trung ở khu kinh tế Vũng Áng, trong đó riêng dự án Formosa ước tính khi vận hành 2 lò cao trong thời gian tới, có tổng lượng chất thải rắn khoảng trên 5 triệu tấn/năm (xỉ hạt lò cao khoảng 2 triệu tấn, xỉ thép 2,02 triệu tấn, bùn bụi khoảng 0,8 triệu tấn, CTNH khoảng 9.000 tấn).

**2. Về khí thải công nghiệp**

Khí thải công nghiệp Hà Tĩnh dự kiến thời gian tới tập trung nhiều ở khu kinh tế Vũng Áng với trọng tâm là dự án Formosa và các Nhà máy nhiệt điện (Vũng Áng 1, Vũng Áng 2, Vũng Áng 3.1), theo dự báo đến năm 2025 sẽ phát sinh khoảng gần **200 triệu m3/ngày đêm**:

*- Đối với dự án Formosa:* Theo báo cáo ĐTM thìGiai đoạn 1-1, Công ty Formosa có 23 nguồn khí thải phát sinh với lưu lượng lớn hơn 5.000 m3/giờ/nguồn thải; tổng lượng khí thải phát sinh khoảng 115.000 m3/giờ (2,76 triệu m3/ngày đêm); lượng bụi phát sinh khi đi vào hoạt động tại các hạng mục 1.951,3 kg/giờ (43,83 tấn/ngày đêm).

*- Đối với dự án các nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, 2, 3 (3.1, 3.2):* Theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (Quy hoạch điện VII và Quy hoạch điện VII điều chỉnh) thì trong khu kinh tế Vũng Áng, ngoài nhà máy nhiệt điện của Công ty Formosa còn có các nhà máy nhiệt điện: Vũng Áng 1 công suất 1.200MW, Vũng Áng 2 công suất 1.200MW, Vũng Áng 3 (3.1 và 3.2) công suất 2.400MW. Hiện tại, mới chỉ có Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 đi vào hoạt động. Theo báo cáo ĐTM của Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 thì: tổng lượng khí thải là 2.039.444 Nm3/giờ (48.946.656 Nm3/ngày đêm); bụi: 0.252 tấn/giờ (6,05 tấn/ngày đêm). Khi các nhà máy nhiệt điện cùng hoạt động (với công nghệ và nguyên liệu tương đồng) thì tổng lượng khí thải phát sinh là: 8.157.776 Nm3/giờ (195.786.624 Nm3/ngày đêm); tổng lượng bụi phát sinh là: 6,048 tấn/giờ (24,192 tấn/ngày đêm).

**3. Về nước thải:**

***a) Nước thải công nghiệp:*** Hiện tại có trên 5.000 doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngoài KKT, KCN, CCN, làng nghề tập trung tại Khu kinh tế Vũng Áng và các Khu, cụm CN (ở Hương Sơn, Hồng Lĩnh, Nghi Xuân, Thạch Hà, Can Lộc ...) với tổng lượng nước thải trên 4,5 triệu m3/ngày đêm, đặc biệt có nhiều dự án với lưu lượng xả thải lớn như dự án Formosa (lưu lượng xả thải 45.000 m3/ngày đêm; Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 (lưu lượng xả thải trên 4,4 triệu m3/ngày đêm)...

***b) Nước thải đô thị và các khu du lịch:*** Đến năm 2020, dân số đô thị và các khu vực động lực phát triển kinh tế có khoảng 537.000 người; đến năm 2025 khoảng 620.000 người, với lượng nước sử dụng tính trung bình là 150 l/người/ngày đêm; lượng nước thải phát sinh tính bằng 80% lượng nước cấp thì lượng nước thải khu vực đô thị đến năm 2025 khoảng **74.400m3/ngày đêm**.

***c) Nước thải chăn nuôi:*** Cùng với quá trình phát triển chăn nuôi trong xây dựng nông thôn mới thì ô nhiễm môi trường nước thải trong chăn nuôi vẫn là một trong những vấn đề môi trường trọng tâm cần nhiều giải pháp đồng bộ, căn cơ. Theo Quy hoạch các vùng chăn nuôi tập trung của tỉnh thì đến năm 2020, tổng đàn lợn toàn tỉnh là 682.500 con, tổng đàn bò 400.000 con. Tổng lượng nước thải phát sinh tương ứng khoảng 22.900 m3/ngày đêm.

**4. Tồn lưu hoá chất BVTV:** Toàn tỉnh hiện còn 119 điểm ô nhiễm hóa chất BVTV tồn lưu chưa xử lý, trong đó có 54 điểm ô nhiễm nặng (có nồng độ DDT, 666 vượt giá trị giới hạn theo QCVN 54:2013/BTNMT). Đây là những điểm cần tập trung xử lý để đảm bảo cuộc sống cho người dân, với nguồn kinh phí lớn cần huy động nhiều nguồn lực khác nhau để xử lý.

**5. Tai biến thiên nhiên, dịch bệnh và sự cố môi trường:** Là tỉnh có điều kiện khí hậu thời tiết khắc nghiệt, chịu ảnh hưởng lớn của BĐKH, nguy cơ thiên tai, bão, lụt thường xuyên xẩy ra ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên và chất lượng môi trường sống của người dân.

**II. QUAN ĐIỂM**

Bảo vệ môi trường có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, quyết định sự phát triển bền vững của địa phương; là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, đây vừa là nhiệm vụ cấp bách, vừa là nhiệm vụ lâu dài, là nền tảng đảm bảo cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh và bền vững do đó phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự tham gia tích cực, có hiệu quả của MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và toàn thể nhân dân.

Bảo vệ môi trường phải theo phương châm lấy phòng ngừa là chính; kết hợp kiểm soát, khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường, lấy bảo vệ sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; không đánh đổi môi trường vì lợi ích kinh tế, tăng cường xã hội hoá về công tác bảo vệ môi trường; kiên quyết hạn chế và loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

Đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững, quán triệt nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”, “người hưởng lợi từ môi trường phải trả chi phí”, phát huy mọi nguồn lực từ xã hội, giảm gánh nặng ngân sách.

**III. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác bảo vệ môi trường. Chủ động giám sát, kiểm soát chất lượng môi trường, ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm và sự cố môi trường; từng bước nâng cao năng lực quản lý, chủ động phòng ngừa, kịp thời ứng phó sự cố môi trường. Xây dựng ý thức bảo vệ môi trường, sống thân thiện với thiên nhiên; huy động sự tham gia tích cực của người dân trong công tác bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường thực hiện tiến bộ công bằng xã hội.

**2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025**

- 100% chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn nguy hại, chất thải y tế được thu gom và xử lý theo quy định.

- 100% rác thải sinh hoạt đô thị và trên 95% rác thải sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử theo quy định. Triển khai thực hiện việc phân loại rác thải tại nguồn đối với 3 đơn vị (thành phố Hà Tĩnh, thị xã Kỳ Anh, thị xã Hồng Lĩnh).

- Các đô thị loại IV trở lên (thành phố Hà Tĩnh, thị xã Kỳ Anh, thị xã Hồng Lĩnh) có hệ thống xử lý nước thải tập trung cho khu vực trung tâm; 50% các KCN, CCN (3 KCN và 22 CCN) có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường.

- Các KCN, CNN đầu tư mới phải có hệ thống xử lý nước thải trước khi đi vào hoạt động;

- 100% dự án đầu tư có báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường được phê duyệt/xác nhận trước khi xây dựng.

- 100% dân cư đô thị và nông thôn được sử dụng nước sạch;

- Nước thải tại các khu dân cư tập trung ở nông thôn được thu gom, thoát thải về vị trí theo quy hoạch; chất thải của các cơ sở chăn nuôi tập trung được thu gom, xử lý đảm bảo quy chuẩn môi trường.

- Hoàn thành việc xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (4 bệnh viện đang lập hồ sơ xác nhận hoàn thành, 2 bãi rác đang lập điều chỉnh dự án); cơ bản hoàn thành xử lý các điểm ô nhiễm nặng tồn lưu hoá chất bảo vệ thực vật; không có sự cố môi trường nghiêm trọng xẩy ra.

- Duy trì độ che phủ rừng đạt 52,5% (NQ Đại hội tỉnh đảng bộ XVIII là trên 55%).

**IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

**1. Nhiệm vụ và giải pháp chung**

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm về công tác BVMT, tập trung giám sát đẩy lùi và đi đến chấm dứt các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và đẩy mạnh công tác xã hội hóa về BVMT đặc biệt là xử lý chất thải.

- Nghiên cứu, đánh giá sức chịu tải môi trường nền, trong đó tập trung vào đánh giá sức chịu tải của môi trường không khí, nước biển ven bờ tại Khu kinh tế Vũng Áng, nước mặt tại các lưu vực sông chính. Nghiên cứu xây dựng Quy chuẩn môi trường địa phương trước mắt tập trung xây dựng quy chuẩn môi trường địa phương đối với khí thải công nghiệp nhiệt điện, luyện thép; nước thải công nghiệp luyện thép, nước thải chăn nuôi...

- Ban hành các văn bản cụ thể hóa quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương trong đó chú trọng xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ khuyến khích, thu hút đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường đặc biệt công tác thu gom xử lý, tái chế chất thải, các dự án sử dụng công nghệ sản xuất sạch, tiết kiệm năng lượng; kiểm soát ngay từ đầu vấn đề môi trường đối với các dự án vào đầu tư.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác quản lý Nhà nước về môi trường các cấp, xác định rõ trách nhiệm và phân công, phân cấp cụ thể cho các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị về quản lý và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường. Nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật bảo vệ môi trường các cấp; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng, năng lực công tác của đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh, huyện, cấp xã. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị; quy định chế độ đi kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường ở địa phương của đồng chí bí thư cấp uỷ, chủ tịch UBND cấp huyện (ít nhất 01 tháng/lần), cấp xã (ít nhất 01 lần/tuần) để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý các vi phạm và báo cáo, đề xuất với cấp trên. Tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ làm công tác môi trường ở các cấp với các hình phù hợp, kết hợp đào tạo, bồi dưỡng trong nước, nước ngoài, ngắn hạn, dài hạn.

- Lồng ghép các tiêu chí môi trường trong lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các dự án phát triển của tỉnh; rà soát, điều chỉnh thống nhất các quy hoạch, triển khai đồng bộ các quy hoạch theo hướng phát triển kinh tế gắn với BVMT.

- Cải cách thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường theo hướng giải quyết nhanh, gọn, đồng bộ nhưng phải đảm bảo chất lượng.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thẩm định quy hoạch, xét duyệt dự án đầu tư, thẩm định công nghệ sản xuất, hoạt động của hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường/xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn theo hướng lựa chọn công nghệ mới, sản xuất sạch, ít gây ô nhiễm; hạn chế các dự án đầu tư có nguy cơ ô nhiễm cao; Yêu cầu áp dụng Hệ thống quản lý môi trường theo Tiêu chuẩn ISO 14000 trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là các dự án lớn như: Formosa, Nhiệt điện tại Khu kinh tế Vũng Áng phát hiện sớm và kịp thời xử lý nghiêm những cơ sở sản xuất, kinh doanh, đơn vị thi công không tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường, có hành vi gây ô nhiễm môi trường; kiên quyết đình chỉ hoạt động hoặc cấm hoạt động đối với các trường hợp vi phạm nghiêm trọng và buộc các đơn vị vi phạm phải thực hiện các biện pháp phục hồi môi trường theo quy định.

- Đảm bảo mức chi cho sự nghiệp môi trường không dưới 1% tổng chi ngân sách và tăng dần tỷ lệ này theo tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm của tỉnh; kết hợp tăng chi từ ngân sách với đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước cho bảo vệ môi trường như: thúc đẩy hiệu quả hợp tác công tư trong đầu tư bảo vệ môi trường; quy định mức chi cho bảo vệ môi trường theo tỷ lệ vốn đầu tư của các dự án.

- Quán triệt và vận dụng có hiệu quả cơ chế cho phép chủ đầu tư được trực tiếp thu để bù chi phí xử lý, khắc phục hậu quả, cải tạo và phục hồi môi trường trên nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền” và “người hưởng lợi từ môi trường phải trả chi phí”, coi đây là giải pháp căn bản để huy động nguồn lực từ xã hội, giảm gánh nặng ngân sách Nhà nước.

- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tiên tiến vào bảo vệ môi trường nhằm sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, ưu tiên phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, giảm lượng chất thải phát sinh, giảm phát thải khí nhà kính; thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về lĩnh vực môi trường, biến đổi khí hậu; tranh thủ tối đa nguồn hỗ trợ tài chính, kỹ thuật của các nước, các tổ chức quốc tế về BVMT.

- Nâng cao năng lực quan trắc và phân tích môi trường theo mạng lưới được phê duyệt; kiểm soát chặt chẽ báo cáo quan trắc môi trường định kỳ của các tổ chức, doanh nghiệp; tổ chức đánh giá hiện trạng môi trường trên địa bàn; đẩy mạnh quan trắc tự động về môi trường; tổ chức đánh giá sức chịu tải của môi trường ở một số khu vực trọng điểm và ban hành quy chuẩn môi trường địa phương trên một số lĩnh vực theo hướng thắt chặt hơn so với quy chuẩn môi trường quốc gia;

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường nhằm thống nhất quản lý, lưu trữ, liên kết dữ liệu và cảnh báo kịp thời tình trạng ô nhiễm môi trường, suy thoái và sự cố môi trường, từ đó đề xuất các biện pháp phù hợp để phòng ngừa, hạn chế và khắc phục.

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành liên quan tăng cường công tác kiểm tra, giám sát môi trường tại dự án Formosa và những dự án do Bộ TN và MT thẩm định phê duyệt Báo cáo ĐTM.

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế nhằm thu hút nguồn lực cho bảo vệ môi trường; chủ động, sáng tạo trong việc đề xuất các sáng kiến hợp tác quốc tế; tham gia, tổ chức thực hiện hiệu quả các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Đẩy mạnh hợp tác với các địa phương nhằm học hỏi kinh nghiệm về bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên; phối hợp giải quyết các vấn đề môi trường liên quan.

**2. Các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể đối với một số lĩnh vực, khu vực, dự án trọng điểm**

***2.1. Đẩy mạnh công tác vảo vệ môi trường tại các KCN, CCN, làng nghề và các cơ sở sản xuất, kinh doanh:***

- Rà soát, đánh giá quy mô, tính chất của các nguồn thải trong các KCN, CCN, đánh giá khả năng tiếp nhận nguồn nước thải của nguồn nước để có giải pháp đầu tư phù hợp. Tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường[[31]](#footnote-31) ở các KCN, CCN, làng nghề theo hướng:

+ Đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại KCN Vũng Áng 1; tập trung nguồn vốn đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung cho 2 KCN (KCN Gia Lách và KCN Đại Kim) đã đi vào hoạt động;

+ Yêu cầu các chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN, CCN cam kết và thực hiện đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định khi đạt tỷ lệ lấp đầy 30%.

+ Đối với các dự án đầu tư trong KCN, CCN, làng nghề mà KCN, CCN, làng nghề chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung thì yêu cầu phải tự xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Đối với các KCN, CCN đầu tư xây dựng mới phải thực hiện đầu tư đồng bộ hệ thống xử lý nước thải với đầu tư kết cấu hạ tâng KCN, CCN.

- Về quản lý chất thải rắn:

+ Yêu cầu các chủ dự án thực hiện việc phân loại chất thải phát sinh tại cơ sở sản xuất theo quy định. Quản lý, theo dõi việc đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

+ Khuyến khích đầu tư các dự án xử lý chất thải rắn đặc biệt là chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại đảm bảo việc tiếp nhận xử lý chất thải từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các dự án tại các vùng trọng điểm phát triển kinh tế trong tỉnh nhất là khu kinh tế Vũng Áng, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, KCN Hạ Vàng- Can Lộc, KCN Gia Lách- Nghi Xuân, các khu du lịch, khu đô thị thương mại và khu vực dự án khai thác mỏ sắt Thạch Khê (khi Chính phủ cho phép triển khai);

+ Triển khai thực hiện đề án kiểm soát vận chuyển chất thải qua hệ thống phần mềm, thiết bị định vị GPS.

- Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và các loại hình dự án có công nghệ sản xuất hiện đại, thân thiện với môi trường, không hoặc ít gây ô nhiễm môi trường, hạn chế và đi đến chấm dứt các dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiêu tốn nhiều nguyên nhiên liệu, phát sinh nhiều chất thải và có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường.

- Rà soát, đánh giá, phân loại các làng nghề, đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động trên địa bàn theo mức độ ô nhiễm để để xuất biện pháp khắc phục, giảm thiểu tác động tới môi trường và khu dân cư; khôi phục và nhân rộng các mô hình sản xuất làng có nghề truyền thống gắn với BVMT; yêu cầu UBND cấp xã nơi có làng nghề, làng có nghề phải thành lập tổ tự quản về bảo vệ môi trường; xây dựng phương án bảo vệ môi trường của làng nghề, cơ sở sản xuất kinh doanh và tổ chức thực hiện theo quy định.

- Triển khai xây dựng trạm quan trắc môi trường (không khí, nước mặt…) tự động độc lập tại một số khu vực trọng điểm trong tỉnh; khẩn trương triển khai hạng mục xây dựng trạm quan trắc độc lập tại Khu kinh tế Vũng Áng thuộc dự án xây dựng hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường biển 4 tỉnh miền Trung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương, đồng thời bố trí nhân lực đảm bảo vận hành hoạt động của trạm quan trắc.

***\* Đối với các dự án lớn:***

*- Dự án Formosa:*

+ Đôn đốc chỉ đạo Công ty TNHH Gang thép Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh thực hiện nghiêm các nội dung theo yêu cầu BVMT tại dự án, hoàn thành xác nhận các hạng mục công trình BVMT trước khi đi vào vận hành chính thức; thực hiện việc chuyển đổi công nghệ dập cốc ướt sang dập khô hoàn thành trước tháng 6/2019 theo chỉ đạo của Chính phủ. Xây dựng kế hoạch quản lý, xử lý chất thải trước khi vận hành các công trình đảm bảo phòng ngừa, ứng phó và xử lý tốt các vấn đề môi trường phát sinh kiên quyết không để tái diễn sự cố môi trường.

+ Củng cố, duy trì hoạt động của Tổ giám sát về công tác bảo vệ môi trường của tỉnh tại dự án Formosa và phối hợp chặt chẽ với Tổ giám sát môi trường của Bộ TNMT thường xuyên theo dõi, giám sát chặt chẽ diễn biến chất lượng môi trường tại dự án; phát huy hiệu quả hệ thống quan trắc môi trường tự động nước thải, khí thải tại dự án và các trạm quan trắc tự động nước biển, không khí trong khu vực để quản lý chặt chẻ và có biện pháp xử lý đảm bảo chất lượng môi trường tại dự án và trong khu vực.

+ Kiến nghị, phối hợp làm việc với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ ngành liên quan xử lý dứt điểm những vấn đề tồn tại và phát sinh tại dự án có liên quan đến áp lực BVMT trên địa bàn (nhất là những vấn đề về tái chế, tái sử dụng chất thải tro, xỉ và các giải pháp tổng thể về BVMT liên quan đến dự án).

*- Dự án Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1:*

*+* Yêu cầu Công ty Điện lực dầu khí Hà Tĩnh khẩn trương hoàn thành việc cải tạo, nâng cấp và cải tiến công nghệ để đưa hệ thống xử lý khí thải theo phương pháp lọc bụi tĩnh điện vào vận hành ngay từ khi khởi động lò; hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường để trình Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy xác nhận.

+ Theo dõi diễn biến môi trường khí thải, nước thải của Nhà máy thông qua hệ thống qua trắc môi trường tự động, liên tục nhằm kịp thời chấn chỉnh công tác bảo vệ môi trường.

+ Định kỳ tổ chức kiểm tra việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường nhất là việc quản lý, xử lý chất thải rắn, nước thải, khí thải.

*- Dự án Nhà máy bia Sài Gòn – Hà Tĩnh:*

+ Định kỳ tổ chức kiểm tra việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường đặc biệt là việc xử lý nước thải, chất thải rắn.

+ Thực hiện việc theo dõi diễn biến môi trường nước thải thông qua hệ thống qua trắc môi trường tự động, liên tục nhằm kịp thời chấn chỉnh công tác bảo vệ môi trường tại Nhà máy.

*- Dự án mỏ sắt Thạch Khê:*

Trước mắt khi chưa có chủ trương đầu tư thì vấn đề môi trường cần quan tâm là tập trung chỉ đạo khắc phục các vấn đề môi trường trong quá trình bóc đất tầng phủ, việc hoàn trả, đảm bảo an toàn, ổn định khu vực khai trường mỏ, có các giải pháp ổn định cuộc sống cho nhân dân các xã bị ảnh hưởng bởi dự án và xử lý các công trình đầu tư dang dỡ của Đề án 946. Khi có chủ trương tiếp tục đầu tư thì chỉ đạo Chủ đầu tư lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định, nghiên cứu, đánh giá dự báo đầy đủ, khách quan, chính xác các tác động đến môi trường trong quá trình triển khai Dự án đặc biệt là việc đổ thải ra biển, vấn đề tụt nước ngầm, xâm nhập mặn với các yếu tố có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao. Yêu cầu Chủ đầu tư bố trí kinh phí xây dựng các công trình bảo vệ môi từ 7-10% tổng mức đầu tư. Phối hợp chặt chẽ với các Bộ ngành Trung ương trong việc kiểm tra, giám sát Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện.

***2.2. Tập trung cải thiện môi trường khu vực đô thị***

- Đối với nước thải:

+ Rà soát các quy hoạch đô thị gắn với quy hoạch hệ thống thu gom, xử lý nước thải. Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước hiện có, trước mắt ưu tiên đầu tư cho thành phố Hà Tĩnh và thị xã Kỳ Anh, hoàn thành trước năm 2019; đồng thời thu hút doanh nghiệp, nhà tài trợ vốn đầu tư hệ thống thu gom xử lý nước thải sinh hoạt tập trung đối với các khu đô thị này.

+ Đối với các dự án đầu tư khu đô thị mới phải quy hoạch và xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom nước mưa, hệ thống thu gom xử lý nước thải sinh hoạt tập trung và có phương án đấu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung trong khu vực trước khi đưa vào sử dụng;

- Đối với rác thải đô thị:

+ Xây dựng đề án phân loại rác tại nguồn, trước mắt thực hiện thí điểm tại các đô thị loại IV trở lên gồm: thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh và thị xã Kỳ Anh; Tổ chức thực hiện triệt để việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại rác thải theo đề án, kế hoạch đã được phê duyệt. Tăng tần suất thu gom, vận chuyển rác thải đảm bảo không không để rác thải ứ đọng, gây ô nhiễm môi trường.

- Chỉnh trang đô thị theo quy hoạch, bố trí hợp lý diện tích đất cho cây xanh, tăng cường trồng cây xanh dọc các tuyến phố, công viên; hình thành các thảm cây xanh trong đô thị và vành đai xanh xung quanh đô thị, tạo cảnh quan môi trường.

- Tăng cường kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong khu dân cư đô thị, tập trung vào các hoạt động như phun sơn, chế biến gỗ, chế biến thực phẩm, kinh doanh ăn uống, khách sạn; Từng bước di dời các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư và phạm vi bảo hộ nguồn nước sinh hoạt.

***2.3. Khắc phục và nâng cao công tác BVMT trong nông nghiệp, nông thôn:***

*- Đối với rác thải:*

+ Tập trung chỉ đạo các địa phương hoàn thành Đề án thu gom vận chuyển rác thải; tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện phân loại rác tại nguồn. Hỗ trợ các hợp tác xã, tổ đội vệ sinh môi trường trong việc đầu tư các xe vận chuyển rác chuyên dụng nhằm tăng hiệu quả thu gom, vận chuyển rác thải, xử lý rác thải đảm bảo môi trường thông qua việc sử dụng chế phẩm sinh học tại các điểm tập kết rác tạm; tăng tần suất thu gom, vận chuyển đối với các khu vực có lượng rác thải phát sinh nhiều.

+ Rà soát bổ sung quy hoạch xử lý chất thải rắn khu vực nông thôn gắn với khu vực đô thị trên nguyên tắc: quy hoạch nhà máy xử lý rác thải theo vùng, liên vùng; không quy hoạch mới bãi rác chôn lấp rác thải mà chỉ cải tạo nâng cấp một số bãi rác đã hình thành và còn đảm bảo tiêu chí để tiếp nhận rác thải; quy hoạch bố trí lò đốt rác thải sinh hoạt không sử dụng nhiên liệu tại những địa bàn xa trung tâm, không đảm bảo điều kiện để xây dựng nhà máy (quy mô 03 đến 04 xã/1lò đốt).

*- Đối với nước thải:*

+ Chỉ đạo các địa phương thực hiện việc quy hoạch thoát thải tại các khu dân cư tập trung theo hướng nước thải phải được thu gom và dẫn về vị trí xả thải theo đúng quy hoạch.

+ Tuyên truyền, vận động nhân dân, huy động toàn dân thường xuyên khơi thông cống rãnh, phát quang đường làng ngõ xóm gắn với xây dựng nông thôn mới.

*- Đối với bảo vệ môi trường trong chăn nuôi:*

+ Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch chăn nuôi và vùng chăn nuôi tập trung với quy hoạch nguồn nước và các quy hoạch có liên quan, hình thành các vùng chăn nuôi trọng điểm; ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ đầu tư các công trình bảo vệ môi trường đối với các cơ sở chăn nuôi nằm trong quy hoạch, hỗ trợ di dời các cơ sở nằm ngoài quy hoạch đảm bảo các cơ sở chăn nuôi phải có hệ thống xử lý chất thải đáp ứng quy chuẩn môi trường.

+ Tăng cường kiểm tra, kiểm soát công tác bảo vệ môi trường đối với một số dự án chăn nuôi có quy mô lớn như Dự án chăn nuôi bò Bình Hà, Trang trại chăn nuôi bò sữa tại xã Sơn Lễ và các trang trại chăn nuôi lợn tập trung có quy mô từ 300-500 trở lên, đặc biệt là chú trọng kiểm tra giám sát việc xử lý nước thải, chất thải rắn tại các dự án này.

+ Từng bước chuyển dịch chăn nuôi nông hộ trong khu dân cư sang chăn nuôi tập trung. Ban hành quy định, hướng dẫn cụ thể về công tác BVMT trong chăn nuôi, nhất là chăn nuôi quy mô nông hộ. Nghiên cứu, ứng dụng các biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi đơn giản, hiệu quả, chi phí thấp. Bổ sung, điều chỉnh chính sách chăn nuôi trong đó ràng buộc chặt chẽ điều kiện về BVMT.

- Đối với môi trường trong các khu nghĩa trang: Đầu tư xây dựng các nghĩa trang theo đúng quy hoạch; tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện việc chôn cất tại nghĩa trang, nghĩa địa theo quy hoạch; tuyên truyền chính sách của tỉnh về hỗ trợ, khuyến khích hoả táng nhằm giảm bớt việc chôn cất tại các nghĩa trang, nghĩa địa không đảm bảo môi trường.

- Về quản lý việc sử dụng hoá chất BVTV, thu gom xử lý bao bì đựng hoá chất BVTV:

+ Kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, sử dụng và đẩy mạnh thu gom, xử lý bao bì hóa chất, phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chế phẩm sinh học trong sản xuất nông nghiệp, trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; hạn chế việc lạm dụng hóa chất trong canh tác.

+ Kiểm soát nguồn ô nhiễm từ sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh tái chế, tái sử dụng chất thải và giảm thiểu lượng phát sinh chất thải độc hại; tăng cường kiểm soát, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong hoạt động chăn nuôi, giết mổ tập trung, nuôi trồng thủy sản, sản xuất và chế biến nông, lâm, thủy, hải sản; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm đặc biệt là việc sử dụng hóa chất, phân bón hóa học nằm ngoài danh mục cho phép.

- Tập trung xử lý các điểm ô nhiễm do tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh.

***2.4. Tăng cường ứng phó thiên tai, sự cố môi trường:***

- Thực hiện điều tra, đánh giá để xác định các khu vực bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; khoanh vùng, cảnh báo để giảm thiểu nguy cơ ảnh hưởng tới sức khỏe người dân.

- Tăng cường trồng rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, nâng cao độ che phủ rừng; Quản lý việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản nhằm tăng diện tích cây xanh, giảm tỷ lệ phát thải khí nhà kính.

- Đẩy mạnh các biện pháp phòng ngừa các rủi ro, sự cố môi trường do thiên tai như lũ quét, sạt lở đất, dịch bệnh, sự cố cháy rừng; hướng dẫn vệ sinh môi trường sau thiên tai, lũ lụt.

**2.5. Tăng cường biên chế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý BVMT trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế**

- Tổ chức rà soát lại nguồn nhân lực làm công tác bảo vệ môi trường ở các cấp để bổ sung, điều chỉnh đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi trường cho cán bộ làm công tác quản lý môi trường trong cơ quan nhà nước và trong các doanh nghiệp.

- Xây dựng cơ chế chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực môi trường vào làm việc tại các cơ quan nhà nước.

***2.6. Cơ chế chính sách về BVMT***

**2.6.1. Chính sách hỗ trợ đối với Hợp tác xã môi trường:**

a) Hỗ trợ kinh phí mua xe chở rác sinh hoạt chuyên dùng cho các cụm liên xã (5-6 xã/cụm) nằm trong mạng lưới thu gom vận chuyển rác sinh hoạt và sau khi đã sắp xếp lại (đối với những địa phương đã có xe), tối đa là 70% tổng mức đầu tư nhưng không quá 1.000 triệu đồng/xe *- Thay và điều chỉnh nội dung trong dự thảo Nghị quyết Kinh tế tập thể (Hỗ trợ 30% kinh phí nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/HTX để mua 01 xe ô tô vận chuyển rác thải chuyên dụng)*.

b) Hỗ trợ kinh phí mua sắm xe đẩy tay phù hợp với phương tiện chở rác chuyên dùng (số lượng 05 xe/hợp tác xã; tối đa không quá 10 triệu đồng/xe) *- Thay và điều chỉnh mức hỗ trợ trong dự thảo Nghị quyết Kinh tế tập thể (Hỗ trợ một lần tối đa 25 triệu đồng/HTX để mua xe chở rác đẩy tay, thùng đựng rác vệ sinh môi trường)*

c) Hỗ trợ mua chế phẩm sinh học xử lý mùi và tiêu huỷ rác tối đa không quá 15 triệu đồng/HTX/năm *- Thay và giữ nguyên nội dung hỗ trợ trong dự thảo Nghị quyết Kinh tế tập thể.*

**2.6.2. Chính sách hỗ trợ phân loại rác tại nguồn đối với thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh và thị xã Kỳ Anh:**

- Hỗ trợ 100% kinh phí hướng dẫn tập huấn quy trình phân loại rác tại nguồn, mức tối đa 50 triệu đồng/xã/phường/năm; thực hiện trong 02 năm.

- Hỗ trợ mua trang thiết bị phục vụ phân loại rác tại nguồn (mỗi hộ gia đình 02 thùng đựng rác để phân loại; giá mỗi thùng 50.000đ); hỗ trợ 01 lần, thực hiện trong 02 năm.;

**2.6.3. Chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực theo quy hoạch hoặc được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư.**

a) Nhà nước đầu tư xây dựng công trình hạ tầng ngoài hàng rào dự án (đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện) nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực. Trường hợp nhà đầu tư tự bỏ kinh phí để đầu tư các công trình này thì được nhà nước hoàn trả toàn bộ giá trị đã đầu tư theo kết quả thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Hỗ trợ kinh phí 01 lần với mức tối đa 100 triệu để thực hiện chứng nhận sản phẩm hàng hoá (hợp chuẩn, hợp quy) đối với các cơ sở xử lý chất thải sinh hoạt bằng công nghệ sản xuất phân hữu cơ vi sinh.

**2.6.4. Hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi lợn đang hoạt động chuyển vào vùng quy hoạch để đảm bảo môi trường**

Hỗ trợ 50% chi phí di dời theo kết quả thẩm tra của cơ quan chức năng, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng đối với các cơ sở ngoài quy hoạch, nhưng có trước thời điểm UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch (QĐ 1281/QĐ-UBND ngày 14/4/2015).

**2.7. Dự kiến kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện đề án:**

Tổng kinh phí: 1.789,516 tỷ đồng, trong đó:

a) Kinh phí thực hiện chính sách giai đoạn 2018-2020: Ngân sách tỉnh hỗ trợ với tổng số tiền là 79,516 tỷ đồng, trong đó:

- Năm 2018: 39,341 tỷ đồng;

- Năm 2019: 31,40 tỷ đồng;

- Năm 2020: 8,775 tỷ đồng.

b) Kinh phí thực hiện 10 dự án: 1.710 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương (tạm tính 80 %) là 1.368 tỷ đồng; Ngân sách tỉnh (tạm tính 10%) là 171 tỷ đồng; nguồn vốn xã hội hoá và huy động các nguồn khác (tạm tính 10%) là 171 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2018-2020: 06 dự án với tổng kinh phí 985 tỷ đồng

- Giai đoạn 2021-2025: 04 dự án với tổng kinh phí 725 tỷ đồng

*(Có phụ lục kèm theo)*

**Phần thứ ba:**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN; KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

**I. Tổ chức thực hiện**

Sau khi Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, UBND tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các Sở, ban, ngành xây dựng Chương trình, kế hoạch, ban hành các quy định, quyết định để thực hiện Đề án; chỉ đạo các sở ngành, địa phương, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Đề án có hiệu quả; định kỳ tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kịp thời điều chỉnh, bổ sung Đề án phù hợp tình hình thực tế.

**II. Kiến nghị, đề xuất:**

Đây là Đề án có tầm quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của tỉnh, vì vậy, UBND tỉnh kiến nghị:

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết để chỉ đạo tổ chức thực hiện.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết một số cơ chế chính sách về bảo vệ môi trường đến năm 2025 và những năm tiếp theo./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**PHỤ LỤC: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC**

**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐẾN NĂM 2025 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên dự án, nhiệm vụ** | **Cơ quan  chủ trì** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí (triệu đồng)** | **Nguồn vốn** |
| **I** | **GIAI ĐOẠN 2018-2020** | | | **985.000** |  |
| 1 | Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật môi trường Hà Tĩnh | Sở TN&MT | 2018-2020 | 3.000 | Ngân sách địa phương |
| 2 | Dự án Tăng cường năng lực hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường biển tại tỉnh Hà Tĩnh | Sở TN&MT | 2018-2019 | 70.000 | Ngân sách Trung ương |
| 3 | Xử lý ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu tại các xã thuộc địa bàn các huyện Hương Khê, Hương Sơn, Thạch Hà và Đức Thọ | Sở TN&MT | 2018-2020 | 112.000 | Ngân sách TW, ngân sách địa phương |
| 4 | Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp hoặc đóng cửa các khu chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường | Sở TN&MT | 2018-2020 | 100.000 | Ngân sách TW, ngân sách địa phương |
| 5 | Dự án đầu tư các trạm quan trắc tự động, cố định, di động và trang thiết bị thí nghiệm cho Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường | Sở TN&MT | 2018-2020 | 200.000 | Ngân sách TW, ngân sách địa phương |
| 6 | Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho thành phố Hà Tĩnh | UBND TP Hà Tĩnh | 2018-2022 | 500.000 | Ngân sách TW, Hỗ trợ quốc tế |
| **II** | **GIAI ĐOẠN 2021-2025** | | | **725.000** |  |
| 1 | Dự án đánh giá sức chịu tải môi trường của một số khu vực trọng điểm | Sở TNMT | 2021-2025 | 20.000 | Ngân sách TW, ngân sách địa phương |
| 2 | Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường trên địa bàn tỉnh | Sở TNMT | 2021-2025 | 5.000 | Ngân sách địa phương |
| 3 | Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho thị xã Kỳ Anh | UBND thị xã Kỳ Anh | 2018-2022 | 350.000 | Ngân sách TW, Hỗ trợ quốc tế |
| 4 | Dự án xử lý tiêu hủy hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu tại các điểm còn lại trên địa bàn tỉnh | Sở TN&MT | 2021-2025 | 350.000 | Ngân sách TW, ngân sách địa phương |
|  | **Tổng cộng** |  |  | **1.710.000** |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | | | | | | | |
| **PHỤ LỤC: NHU CẦU VỐN THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH MÔI TRƯỜNG THEO ĐỀ ÁN TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC**  **BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐẾN NĂM 2025 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO** | | | | | | | | |
| **TT** | **Nội dung** | **Khối  lượng** | **Mức hỗ trợ  (triệu đồng)** | **Tổng kinh phí  (triệu đồng)** | **2018** | **2019** | **2020** | ***Chú thích*** |
| **I** | **Chính sách hỗ trợ HTX môi trường** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Hỗ trợ kinh phí mua xe chở rác sinh hoạt chuyên dùng cho các cụm liên xã (5-6 xã/cụm) nằm trong mạng lưới thu gom vận chuyển rác sinh hoạt và sau khi đã sắp xếp lại (đối với những địa phương đã có xe), tối đa là 70% tổng mức đầu tư nhưng không quá 1.000 triệu đồng/xe | 36 | 1000 | 36000 | 18000 | 18000 |  | *10 xe của các HTX hiện có tương ứng với 50 xã; 34 xã phường của TP HT, TX HL, TX Kỳ Anh do các Doanh nghiệp vận chuyển;Còn lại 178 xã tương ứng với 36 xe.* |
| 2 | Hỗ trợ kinh phí mua sắm xe đẩy tay phù hợp với phương tiện chở rác chuyên dùng (số lượng 5 xe/hợp tác xã; tối đa không quá 10 triệu đồng/xe) | 185 | 50 | 9250 | 4625 | 4625 |  | *Số lượng HTX là 185 theo Đề án Kinh tế tập thể* |
| 3 | Hỗ trợ mua chế phẩm sinh học xử lý mùi và tiêu huỷ rác tối đa không quá 15 triệu đồng/HTX/năm (3 năm) | 185 | 15 | 8325 | 2775 | 2775 | 2775 | *Số lượng HTX là 185 theo Đề án Kinh tế tập thể* |
| **II** | **Chính sách hỗ trợ phân loại rác tại nguồn đối với thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh và thị xã Kỳ Anh** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Hỗ trợ kinh phí 100% hướng dẫn tập huấn quy trình phân loại rác tại nguồn; mức tối đa 100 triệu đồng/xã/phường/năm; thực hiện trong 3 năm | 34 | 100 | 10200 | 3400 | 3400 | 3400 | Tổng số có 34  phường, xã |
| 1 | Hỗ trợ mua đầu tư trang thiết bị phục vụ phân loại rác tại nguồn (mỗi hộ gia đình 02 thùng đựng rác để phân loại; giá mỗi thùng 50.000đ); hỗ trợ 1 lần thực hiện trong 2 năm | 104416 | 0.1 | 10441.6 | 10441.6 |  |  |  |
| **III** | **Chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực theo quy hoạch hoặc được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Nhà nước đầu tư xây dựng công trình hạ tầng ngoài hàng rào dự án (đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện) nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực; trường hợp nhà đầu tư tự bổ kinh phí đầu tư các công trình này thì Nhà nước hoàn trả toàn bộ kinh phí đầu tư đã thực hiện theo giá trị thẩm định của cấp có thẩm quyền |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Hỗ trợ kinh phí 1 lần với mức tối đa 100 triệu để thực hiện chứng nhận sản phẩm hàng hoá (hợp chuẩn, hợp quy) đối với các cơ sở xử lý chất thải sinh hoạt bằng công nghệ sản xuất phân hữu cơ vi sinh | 3 | 100 | 300 | 100 | 100 | 100 |  |
| **IV** | **Hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi lợn đang hoạt động chuyển vào vùng quy hoạch để đảm bảo môi trường** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Hỗ trợ 50% chi phí di dời theo kết quả thẩm tra của cơ quan chức năng, nhưng tối đa không quá 100 triệu đối với các cơ sở ngoài quy hoạch, nhưng có trước thời điểm UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch (QĐ 1281/QĐ-UBND ngày 14/4/2015) | 50 | 100 | 5000 |  | 2500 | 2500 |  |
|  | **TỔNG CỘNG** |  |  | **79516.6** | **39341.6** | **31400** | **8775** |  |

**TỔNG HỢP CÁC CHÍNH SÁCH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên chính sách** | **Văn bản**  **quy định** | **Nội dung hỗ trợ** | **Đối tượng hỗ trợ** | **Kinh phí**  **hỗ trợ** |
| **I** | **CHÍNH SÁCH CỦA TRUNG ƯƠNG** | | | | |
| 1 | Chính sách hỗ trợ về đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng | Chương VII, Nghị định 19/2015/NĐ-CP ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường | - Nhà nước ưu tiên bố trí quỹ đất gắn với các công trình, hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông, điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc, năng lượng) sẵn có ngoài phạm vi dự án nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực.  - Trong trường hợp Nhà nước không bố trí được quỹ đất gắn với các công trình, hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật sẵn có ngoài phạm vi dự án nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực, chủ đầu tư dự án được hưởng chính sách như hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về đầu tư | Các dự án:  - Xử lý nước thải sinh hoạt tập trung có công suất thiết kế từ 2.500m3 nước thải trở lên trong một ngày đêm đối với khu vực đô thị từ loại IV trở lên.  - Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường tập trung.  - Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường các khu, cụm công nghiệp làng nghề. | Ngân sách hỗ trợ 100% |
| 2 | Chính sách ưu đãi về tiền thuê đất, hỗ trợ về giải phóng mặt bằng và bồi thường | Chương VII, Nghị định 19/2015/NĐ-CP ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường | - Uu đãi về tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai như các đối tượng thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư và được Nhà nước hỗ trợ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng. Trong trường hợp chủ đầu tư dự án đã ứng trước kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt sẽ được khấu trừ theo quy định của pháp luật về đất đai. | Các dự án:  - Xử lý nước thải sinh hoạt tập trung có công suất thiết kế từ 2.500m3 nước thải trở lên trong một ngày đêm đối với khu vực đô thị từ loại IV trở lên.  - Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường tập trung. | Ngân sách hỗ trợ 100% |
| - Ưu đãi về tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai như các đối tượng thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư | Các dự án, hoạt động sau:  - Xử lý, cải tạo các khu vực môi trường bị ô nhiễm tại các khu vực công cộng;  - Ứng cứu, xử lý sự cố tràn dầu, sự cố hóa chất và sự cố môi trường khác;  - Dịch vụ hỏa táng, điện táng;  - Giám định thiệt hại về môi trường; giám định sức khỏe môi trường; giám định về môi trường đối với hàng hóa, máy móc, thiết bị, công nghệ. | Ngân sách hỗ trợ 100% |
| - Ưu đãi về tiền thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai như các đối tượng thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư. | Các hoạt động đầu tư xây dựng cơ sở:  - Sản xuất ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường được nhà nước bảo hộ dưới hình thức cấp Bằng độc quyền sáng chế hoặc Bằng độc quyền giải pháp hữu ích.  - Sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường gắn Nhãn xanh Việt Nam; sản phẩm từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận.  - Sản xuất xăng, nhiên liệu diezen và nhiên liệu sinh học được chứng nhận hợp quy; than sinh học; năng lượng từ sử dụng sức gió, ánh sáng mặt trời, thủy triều, địa nhiệt và các dạng năng lượng tái tạo khác.  - Sản xuất, nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện chuyên dùng sử dụng trực tiếp trong việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải; quan trắc và phân tích môi trường; sản xuất năng lượng tái tạo; xử lý ô nhiễm môi trường; ứng phó, xử lý sự cố môi trường. | Ngân sách hỗ trợ 100% |
| 3 | Chính sách ưu đãi tài chính về đất | Chương VII, Nghị định 19/2015/NĐ-CP ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường | - Được sử dụng toàn bộ tiền bán đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (sau khi đã trừ các khoản chi phí tổ chức bán đấu giá) và được ghi vào vốn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật để trả tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, chi phí di dời, chi phí đổi mới, nâng cấp công nghệ và thực hiện dự án đầu tư tại cơ sở sản xuất mới.  Trường hợp đất tại cơ sở sản xuất cũ được thu hồi và sử dụng vào mục đích công cộng thì cơ sở được Nhà nước cấp vốn để trả tiền sử dụng đất, chi phí di dời, cải tiến, đổi mới, nâng cấp công nghệ và thực hiện dự án đầu tư tại cơ sở sản xuất mới tương ứng với giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của khu đất đó tính theo giá đất thị trường tại thời điểm thu hồi. | - Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời |  |
| 4 | Chính sách ưu đãi về huy động vồn đầu tư | Chương VII, Nghị định 19/2015/NĐ-CP ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường | - Được vay vốn với lãi suất ưu đãi tối đa không quá 50% mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước do cơ quan có thẩm quyền công bố tại thời điểm cho vay, tổng mức vay vốn không quá 80% tổng mức đầu tư xây dựng công trình; được ưu tiên hỗ trợ sau đầu tư hoặc bảo lãnh vay vốn. | Các dự án\*:  - Xử lý nước thải sinh hoạt tập trung có công suất thiết kế từ 2.500m3 nước thải trở lên trong một ngày đêm đối với khu vực đô thị từ loại IV trở lên.  - Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường tập trung.  *(Áp dụng công nghệ xử lý có tỷ lệ chất thải phải chôn lấp sau xử lý dưới 30% trên tổng lượng chất thải rắn thu gom)* |  |
| - Được vay vốn với lãi suất ưu đãi tối đa không quá 50% mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước do cơ quan có thẩm quyền công bố tại thời điểm cho vay, tổng mức vay vốn không quá 70% tổng mức đầu tư xây dựng công trình; được ưu tiên hỗ trợ sau đầu tư hoặc bảo lãnh vay vốn | Các dự án, hoạt động bảo vệ môi trường khác (ngoài dự án \* nêu trên) quy định tại Phụ lục III Nghị định 19/2015/NĐ-CP |  |
| Được Nhà nước hỗ trợ 10% tổng vốn đầu tư thiết bị triển khai ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường | Dự án sản xuất ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường được nhà nước bảo hộ dưới hình thức cấp Bằng độc quyền sáng chế hoặc Bằng độc quyền giải pháp hữu ích. |  |
| - Được ưu tiên xem xét, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA | Các dự án, hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III Nghị định 19/2015/NĐ-CP, (trừ hoạt động xử lý chất thải nguy hại, đồng xử lý chất thải nguy hại và Quan trắc môi trường) nếu là dự án được quy định trong các kế hoạch, chiến lược được Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ và Quốc hội ban hành. |  |
| 5 | Chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp | - Chương VII, Nghị định 19/2015/NĐ-CP ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường; | - Được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như các đối tượng thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. | Các dự án đầu tư mới:  - Xử lý nước thải sinh hoạt tập trung có công suất thiết kế từ 2.500m3 nước thải trở lên trong một ngày đêm đối với khu vực đô thị từ loại IV trở lên.  - Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường tập trung.  - Xử lý, cải tạo các khu vực môi trường bị ô nhiễm tại các khu vực công cộng.  - Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường các khu, cụm công nghiệp làng nghề.  - Dịch vụ hỏa táng, điện táng.  - Giám định thiệt hại về môi trường; giám định sức khỏe môi trường; giám định về môi trường đối với hàng hóa, máy móc, thiết bị, công nghệ.  - Sản xuất ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường được nhà nước bảo hộ dưới hình thức cấp Bằng độc quyền sáng chế hoặc Bằng độc quyền giải pháp hữu ích.  - Sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường gắn Nhãn xanh Việt Nam; sản phẩm từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận.  - Sản xuất xăng, nhiên liệu diezen và nhiên liệu sinh học được chứng nhận hợp quy; than sinh học; năng lượng từ sử dụng sức gió, ánh sáng mặt trời, thủy triều, địa nhiệt và các dạng năng lượng tái tạo khác.  - Sản xuất, nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện chuyên dùng sử dụng trực tiếp trong việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải; quan trắc và phân tích môi trường; sản xuất năng lượng tái tạo; xử lý ô nhiễm môi trường; ứng phó, xử lý sự cố môi trường. | Mức hỗ trợ, ưu đãi được quy định tại Thông tư số: 212/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 |
| 6 | Chính sách ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu | - Chương VII, Nghị định 19/2015/NĐ-CP ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường; | - Được hưởng ưu đãi về thuế nhập khẩu như các đối tượng thuộc lĩnh vực được đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu | Máy móc, phương tiện, dụng cụ, vật liệu dùng cho các hoạt động:  - Giám định thiệt hại về môi trường; giám định sức khỏe môi trường; giám định về môi trường đối với hàng hóa, máy móc, thiết bị, công nghệ.  - Sản xuất, nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện chuyên dùng sử dụng trực tiếp trong việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải; quan trắc và phân tích môi trường; sản xuất năng lượng tái tạo; xử lý ô nhiễm môi trường; ứng phó, xử lý sự cố môi trường. |  |
| - Miễn, giảm thuế xuất khẩu | - Các sản phẩm thân thiện với môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường gắn Nhãn xanh Việt Nam; sản phẩm từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận | - Mức ưu đãi hỗ trợ quy định tại Thông tư số 128/2016/TT-BTC ngày 09/8/2016 |
| 7 | Chính sách ưu đãi thuế giá trị gia tăng | - Chương VII, Nghị định 19/2015/NĐ-CP ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường; | - Không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT khi chuyển nhượng quyền phát thải | Tổ chức, cá nhân có hoạt động đầu tư công trình, hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ về bảo vệ môi trường có chứng nhận giảm phát thải. | - Quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 2, Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT |
| - Không chịu thuế GTGT | Dịch vụ hỏa táng, điện táng | Quy định tại Điều 5 Luật thuế GTGT |
| - Không chịu thuế hoặc thuộc đối tượng chịu thuế hưởng mức thuế suất ưu đãi 5% | Hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ về bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ. | - Quy định tại Điều 5 và Điều 8 Luật thuế GTGT |
| 8 | **-** Chính sách hỗ trợ về giá và tiêu thụ sản phẩm |  | Được trợ giá theo quy định của pháp luật về sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích | ***Các hoạt động:***  - Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường tập trung;  - Dịch vụ hỏa táng, điện táng;  - Quan trắc môi trường nền.  ***Sản phẩm của các dự án:***  - Sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường gắn Nhãn xanh Việt Nam; sản phẩm từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận.  - Sản xuất xăng, nhiên liệu diezen và nhiên liệu sinh học được chứng nhận hợp quy; than sinh học; năng lượng từ sử dụng sức gió, ánh sáng mặt trời, thủy triều, địa nhiệt và các dạng năng lượng tái tạo khác.  *(Điều kiện: phải đáp ứng các tiêu chí về sản phẩm, dịch vụ công ích)* |  |
|  |  | Người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm ưu tiên mua sắm công sản phẩm | ***Sản phẩm của các dự án:***  - Sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường gắn Nhãn xanh Việt Nam; sản phẩm từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận.  - Sản xuất xăng, nhiên liệu diezen và nhiên liệu sinh học được chứng nhận hợp quy; than sinh học; năng lượng từ sử dụng sức gió, ánh sáng mặt trời, thủy triều, địa nhiệt và các dạng năng lượng tái tạo khác. |  |
| 9 | Chính sách hỗ trợ phân loại rác tại nguồn |  | Cung cấp miễn phí các dụng cụ cho người dân thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt, sản phẩm thải bỏ tại nguồn. | - Người dân thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt, sản phẩm thải bỏ tại nguồn. |  |
| **II** | **CHÍNH SÁCH TỈNH ĐÃ BAN HÀNH** | | | | |
| 1 | Chính sách về đất đai | Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 21/3/2012 của UBND tỉnh | Được nhà nước tổ chức thu hồi đất, giao đất cho thuê đất | - Dự án đầu tư trong lĩnh vực môi trường bao gồm: thu gom, vận chuyển rác thải, xử lý rác thải, chất thải, xử lý môi trường. | Ngân sách tỉnh |
| 2 | Chính sách hỗ trợ về san lấp mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật | Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 21/3/2012 của | - Hỗ trợ 50% kinh phí san lấp mặt bằng nhưng không quá các mức sau:  + Đến 500 triệu đồng cho các dự án có tổng vốn đầu tư từ 30 tỷ đến 50 tỷ đồng;  + Đến 01 tỷ đồng cho các dự án có tổng vốn đầu tư từ 50 tỷ đến 200 tỷ đồng;  + Đến 02 tỷ đồng cho các dự án có tổng vốn đầu tư từ 200 tỷ đến 300 tỷ đồng;  + Đến 03 tỷ đồng cho các dự án có tổng vốn đầu tư trên 300 tỷ đồng; | - Dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh có vốn đầu tư từ 30 tỷ đồng trở lên, đầu tư trong các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.  *(Lĩnh vực môi trường bao gồm: thu gom, vận chuyển rác thải, xử lý rác thải, chất thải, xử lý môi trường* ***khó tiếp cận*** *do vướng quy định "đầu tư trong các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp")* | Ngân sách tỉnh |
| - Được khấu trừ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng vào tiền giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất theo quy định của pháp luật | - Dự án đầu tư ngoài các KKT, KCN, CCN  (*trong đó có Lĩnh vực môi trường bao gồm: thu gom, vận chuyển rác thải, xử lý rác thải, chất thải, xử lý môi trường).* | Ngân sách tỉnh |
| - Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, kỹ thuật ngoài hàng rào dự án:  + 50% kinh phí làm đường giao thông từ trục đường chính đến hàng rào dự án, tối đa không quá 02 tỷ  + UBND tỉnh xem xét cụ thể quyết định đầu tư, hỗ trợ đầu tư hoặc đề nghị công ty cấp nước Hà Tĩnh đầu tư đường nước đến chân hàng rào dự án. | - Dự án đầu tư ngoài các KKT, KCN, CCN  (*trong đó có Lĩnh vực môi trường bao gồm: thu gom, vận chuyển rác thải, xử lý rác thải, chất thải, xử lý môi trường).* | Ngân sách tỉnh |
| - Hỗ trợ san lấp mặt bằng, rà phá bom mìn, không quá các mức sau:  + Đến 500 triệu đồng cho các dự án có tổng vốn đầu tư dưới 30 tỷ đồng;  + Đến 01 tỷ đồng cho các dự án có tổng vốn đầu tư từ 30 đến 50 tỷ đồng;  + Đến 02 tỷ đồng cho các dự án có tổng vốn đầu tư từ 50 đến 200 tỷ đồng;  + Đến 03 tỷ đồng cho các dự án có tổng vốn đầu tư từ 200 đến 300 tỷ đồng;  + Đến 04 tỷ đồng cho các dự án có tổng vốn đầu tư trên 300 tỷ đồng. | - Dự án đầu tư ngoài các KKT, KCN, CCN  (*trong đó có Lĩnh vực môi trường bao gồm: thu gom, vận chuyển rác thải, xử lý rác thải, chất thải, xử lý môi trường).* | Ngân sách tỉnh |
| 3 | Chính sách hỗ trợ đổi mới dây chuyền công nghệ | Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 21/3/2012 của | - Hỗ trợ từ 5 - 10% giá trị đầu tư được thực hiện nhưng tối đa không quá 5 tỷ đồng. | Các cơ sở sản xuất hiện có phù hợp với ngành nghề và lĩnh vực khuyến khích ưu đãi đầu tư thực hiện đổi mới trang thiết bị máy móc mới, đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường và có giá trị đầu tư từ 500 triệu đồng trở lên. | Ngân sách tỉnh |
| 4 | Chính sách hỗ trợ kinh phí đầu tư lò đốt rác thải sinh hoạt | Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày15/12/2016 của HĐND tỉnh | Hỗ trợ kinh phí đầu tư lò đốt rác thải sinh hoạt (mức hỗ trợ 70% tổng giá trị công trình, tối đa 2.000 triệu đồng/công trình) | - HTX được hỗ trợ xây dựng lò đốt xử lý rác thải sinh hoạt có quy mô đảm bảo phục vụ ít nhất 01 xã, sử dụng quy trình công nghệ tiên tiến (có ý kiến thống nhất của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường về công nghệ và quy hoạch) |  |
| 5 | Chính sách hỗ trợ bảo vệ môi trường trong chăn nuôi lợn | Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày15/12/2016 của HĐND tỉnh | - Hỗ trợ kinh phí lập quy hoạch chi tiết, xây dựng hạ tầng về chuồng trại, hệ thống nước, xử lý chất thải, báo cáo đánh giá tác động môi trường (mức 1 tỷ đồng/cơ sở (trong đó hỗ trợ 200 triệu đồng cho công trình xử lý môi trường vả chỉ được nhận sau khi đánh giá đầy đủ điều kiện đảm bảo môi trường) | - Cơ sở chăn nuôi lợn giống ngoại sinh sản cấp ông bà và bố mẹ xây dựng mới có quy mô tập trung từ 300 con trở lên trong vùng quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, cam kết cung cấp giống cho chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ liên kết với doanh nghiệp thông qua HTX, tổ hợp tác ít nhất trong 5 năm. | - Ngân sách tỉnh. |
| - Hỗ trợ một lần kinh phí xây dựng công trình xử lý môi trường, mức hỗ trợ: 50 triệu đồng/cơ sở với quy mô từ 500 đến dưới 1.000 con, 70 triệu đồng/cơ sở với quy mô từ 1.000 con trở lên; | Cơ sở chăn nuôi lợn thịt xây dựng mới có quy mô từ 500 con trở lên  (*được hỗ trợ sau khi có giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường giai đoạn vận hành Dự án)* | - Ngân sách tỉnh. |
| - Hỗ trợ 01 lần để xây dựng mới chuồng trại, mua con giống, xây mới công trình xử lý môi trường với mức hỗ trợ tối đa 15 triệu đồng/hộ | Hợp tác xã hoặc Tổ hợp tác có từ 07 hộ/07 chuồng trại trở lên chăn nuôi lợn quy mô nhỏ (từ 20 đến dưới 50 con/hộ), áp dụng các tiêu chí mô hình quy mô nhỏ (theo Kế hoạch 498/KH-UBND ngày 21/11/2014 của UBND tỉnh) | - Ngân sách tỉnh. |
| 6 | Chính sách hỗ trợ BVMT trong giết mổ gia súc gia cầm tập trung | Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày15/12/2016 của HĐND tỉnh | Hỗ trợ xây mới (nhà xưởng, xử lý chất thải, thiết bị) và lập cam kết bảo vệ môi trường cho các cơ sở giết mổ gia súc gia cầm tập trung (mức hỗ trợ:  + 250 triệu đồng đối với cơ sở có công suất từ 30 con đến dưới 70 con gia súc hoặc 500 con gia cầm trở lên/ngày đêm; 350 triệu đồng đối với cơ sở có công suất từ 70 con gia súc trở lên/ngày đêm.  + Các cơ sở giết mổ tập trung xây dựng trước năm 2014 sau khi cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng, có công suất từ 70 con gia súc trở lên/ngày đêm, được hỗ trợ 50% mức hỗ trợ quy định trên.  + Hỗ trợ 100 triệu đồng đối với cơ sở phải đánh giá tác động môi trường, 20 triệu đồng đối với cơ sở phải cam kết bảo vệ môi trường). | Cơ sở giết mổ gia súc gia cầm tập trung | - Ngân sách tỉnh. |
| 7 | Chính sách hỗ trợ xi măng làm rãnh thoát nước thải | Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày15/12/2016 của HĐND tỉnh | - Hỗ trợ xi măng làm rãnh thoát nước: + Đường trục xã, liên xã: Ngân sách cấp tỉnh 85%, ngân sách huyện, xã 15%.  + Đường trục thôn, liên thôn: Ngân sách cấp tỉnh 70%, ngân sách cấp huyện, xã 30%. | Đối với các xã 30b |  |
| - Hỗ trợ xi măng làm rãnh thoát nước: + Đường trục xã, đường phố: Ngân sách cấp tỉnh 70%, ngân sách cấp huyện, xã 30%.  + Đường trục thôn, xóm, đường ngõ phố: Ngân sách cấp tỉnh 60%, ngân sách cấp huyện, xã 40%. | Đối với các xã, phường, thị trấn (ngoài các xã 30b) |  |
| 8 | Chính sách hỗ trợ đối với HTX môi trường | Nghị quyết 122/2010/NQ-HĐND ngày 30/7/2010 | Hỗ trợ thành lập HTX môi trường (25 triệu đồng/HTX) | - HTX môi trường mới thành lập có đầy đủ hồ sơ hợp lệ | - Ngân sách tỉnh 20 triệu, ngân sách huyện 5 triệu/HTX |
| Hỗ trợ mua 01 xe ô tô vận chuyển rác thải (150 triệu đồng/HTX) | - HTX môi trường | - Ngân sách tỉnh 100 triệu đồng, ngân sách huyện tối thiểu 50 triệu |
| Hỗ trợ xe đẩy tay, thùng rác, chế phẩm (Không quy định cụ thể mức hỗ trợ mà theo đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường và nguồn kinh phí được cấp hàng năm) | - HTX môi trường | Ngân sách tỉnh |
| 9 | Chính sách hỗ trợ chi phí vận chuyển và chi phí hỏa táng | Quyết định 40/2017/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 | Mức hỗ trợ:  a) Chi phí hỏa táng được áp dụng một trong các trường hợp sau:  - Đối với thi hài đủ 6 tuổi trở lên: 4.000.000 đồng/trường hợp;  - Đối với thi hài dưới 6 tuổi trở xuống: 2.000.000 đồng/trường hợp;  - Đối với thi hài thuộc đối tượng là hộ nghèo: 5.000.000 đồng/trường hợp.  b) Chi phí vận chuyển:  - Đối với khu vực Thành phố Hà Tĩnh, Huyện Thạch Hà: 500.000đ/trường hợp;  - Đối với khu vực huyện Can Lộc; huyện Lộc Hà; Thị xã Hồng Lĩnh và huyện Cẩm Xuyên: 1.000.000 đồng/trường hợp;  - Đối với khu vực huyện Kỳ Anh; Thị xã Kỳ Anh; huyện Đức Thọ; huyện Nghi Xuân; huyện Hương Khê; huyện Vũ Quang và Huyện Hương Sơn: 1.500.000 đồng/trường hợp. | - Người dân có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hà Tĩnh;  - Người vô gia cư, lang thang cơ nhỡ không có người thân chết trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. | Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%; ngoài ra, khuyến khích UBND cấp huyện, cấp xã có chính sách hỗ trợ thêm cho đối tượng của địa phương. |
| **III** | **CHÍNH SÁCH MỚI CỦA ĐỀ ÁN** | | | | |
| **1** | Chính sách hỗ trợ đối với Hợp tác xã môi trường |  | - Hỗ trợ kinh phí mua xe chở rác sinh hoạt chuyên dụng, tối đa là 70% tổng mức đầu tư nhưng không quá 1.000 triệu đồng/xe. | HTX môi trường thực hiện thu gom cho các cụm liên xã (05-6 xã/cụm) nằm trong mạng lưới thu gom vận chuyển rác sinh hoạt và sau khi đã sắp xếp lại. | Ngân sách tỉnh |
| - Hỗ trợ kinh phí mua sắm xe đẩy tay phù hợp với phương tiện chở rác chuyên dùng (số lượng 5 xe/hợp tác xã; 10 triệu đồng/xe), tương đương 50 triệu đồng/HTX. | HTX môi trường đang hoạt động hoặc mới thành lập | Ngân sách tỉnh |
| - Hỗ trợ mua chế phẩm sinh học xử lý mùi và tiêu huỷ rác tối đa không quá 15 triệu đồng/HTX/năm. | HTX môi trường đang hoạt động hoặc mới thành lập | Ngân sách tỉnh |
| **2** | Chính sách hỗ trợ phân loại rác tại nguồn đối với thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh và thị xã Kỳ Anh |  | - Hỗ trợ mua trang thiết bị phục vụ phân loại rác tại nguồn (mỗi hộ gia đình 02 thùng đựng rác để phân loại; giá mỗi thùng 50.000đ); hỗ trợ 1 lần, thực hiện trong 2 năm. | Hộ gia đình thực hiện phân loại rác tại nguồn | Ngân sách tỉnh |
| - Hỗ trợ 100% kinh phí hướng dẫn tập huấn quy trình phân loại rác tại nguồn; mức tối đa 50 triệu đồng/xã/phường/năm; thực hiện trong 2 năm. | Xã, phường, thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn | Ngân sách tỉnh |
| **3** | Chính sách hỗ trợ đầu tư xử lý chất thải rắn sinh hoạt |  | - Hỗ trợ toàn bộ kinh phí đầu tư xây dựng công trình hạ tầng ngoài hàng rào dự án (đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện) nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. | Dự án đầu tư xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ chế biến phân hữu cơ kết hợp chôn lấp tại các khu vực xử lý liên vùng theo quy hoạch; xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ lò đốt tại các vị trí được quy hoạch hoặc được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc các công nghệ tiên tiến khác. | Ngân sách tỉnh |
| - Hỗ trợ kinh phí 1 lần với mức tối đa 100 triệu để thực hiện chứng nhận sản phẩm hàng hoá (hợp chuẩn, hợp quy) | Sản phẩm tái chế (phân hưu cơ vi sinh) của các cơ sở xử lý chất thải sinh hoạt bằng công nghệ sản xuất phân hữu cơ vi sinh. | Ngân sách tỉnh |
| **4** | Hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi lợn đang hoạt động chuyển vào vùng quy hoạch để đảm bảo môi trường |  | Hỗ trợ 50% chi phí di dời theo kết quả thẩm tra của cơ quan chức năng, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng đối với các cơ sở ngoài quy hoạch, nhưng có trước thời điểm UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch (QĐ 1281/QĐ-UBND ngày 14/4/2015). | cơ sở chăn nuôi lợn có quy mô >=300 con/cơ sở, đang hoạt động | Ngân sách tỉnh |

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

1. KCN Vũng Áng 1, KCN Gia Lách và KCN Đại Kim; [↑](#footnote-ref-1)
2. Các làng nghề phân bố tập trung nhiều ở huyện Đức Thọ (8 làng nghề), Thạch Hà (10 làng nghề), Can Lộc (7 làng nghề); [↑](#footnote-ref-2)
3. CCN Trung Lương - thị xã Hồng Lĩnh, CCN Chế biến thủy sản Thạch Kim - huyện Lộc Hà và CCN Phù Việt- Thạch Hà [↑](#footnote-ref-3)
4. Khu chế biến súc sản của Công ty Mitraco 2,5 lần, CCN Vũng Áng I 1,8 lần và Khu chăn nuôi Khe Trù 1,1 lần [↑](#footnote-ref-4)
5. Nhà máy bia Vina- CCN Nam TX Hồng Lĩnh 5 lần và KCN Phú Vinh 1,26 lần; điểm KCN Gia Lách có hàm lượng chất rắn lơ lửng vượt GHCP 1,14 lần [↑](#footnote-ref-5)
6. NH4 có thời điểm vượt quy định cột B-QCVN 14:2008/BTNMT trên 5 lần; tổng Coliform vượt trên 6 lần; BOD5 vượt hơn 3 lần; TSS vượt 2 lần [↑](#footnote-ref-6)
7. Như ngã ba giao QL1A và đường vào Công ty Formosa; ngã tư Vũng Áng; ngã ba đường tránh quốc lộ 1A và đường vào khu đô thị Phú Vinh; ngã ba đường tránh Cẩm Vịnh huyện Cẩm Xuyên... [↑](#footnote-ref-7)
8. (thấp so với tiêu chuẩn cây xanh đường phố cho đô thị loại III là 2,0-2,3 m2 cây xanh/01người) [↑](#footnote-ref-8)
9. (Tỷ lệ này thấp hơn nhiều so với tiêu chuẩn đô thị loại III là 9-11m2 cây xanh/01 người) (theo TCVN 9257:2012- Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị). [↑](#footnote-ref-9)
10. Năm 2014 là 407,31 tấn/ngày, năm 2015 là 430,43 tấn/ngày và năm 2016 là 447,34 tấn/ngày, trong đó một số địa phương có lượng phát sinh cao như ở huyện Kỳ Anh, Can Lộc. [↑](#footnote-ref-10)
11. Trong đó: có 209 cơ sở chăn nuôi lợn quy mô từ 300 con trở lên; 19 cơ sở chăn nuôi bò quy mô từ 50 con trở lên, còn lại là chăn nuôi quy mô nhỏ; [↑](#footnote-ref-11)
12. Trong đó: quy mô dưới 10 con: 104.287 hộ; quy mô từ 10 đến 30 con: 14.789 hộ; quy mô từ 30 đến 50 con: 2.574 hộ; quy mô trên 50 con: 1.168 hộ [↑](#footnote-ref-12)
13. (174.000 con lợn, 17.000 con bò và 60.000 gia súc, gia cầm khác) [↑](#footnote-ref-13)
14. như: Trang trại của ông Trần Tất Đạt và ông Nguyễn Đình Thắng ở Can Lộc (liên quan đến ô nhiễm nguồn nước ở hồ Vực Trống, huyện Can Lộc); tình trạng ô nhiễm nguồn nước hồ Khe Lang, huyện Đức Thọ do một số trang trại chăn nuôi xả nước thải vào lưu vực hồ,... [↑](#footnote-ref-14)
15. Trong đó có 333 hồ sơ do UBND phê duyệt và 62 hồ sơ do BQL KKT tỉnh phê duyệt. [↑](#footnote-ref-15)
16. Đã được phê duyệt tại Quyết định 3531/QĐ-UBND ngày 09/12/2008 và phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 04/02/2013 [↑](#footnote-ref-16)
17. Năm 2010: 484,25 tấn/ngày; năm 2014: 593,43 tấn/ngày, năm 2015: 627,88 tấn/ngày; năm 2016: 647,76 tấn/ngày [↑](#footnote-ref-17)
18. . Một số địa phương thực hiện khá tốt mô hình HTX môi trường như các huyện: Can Lộc, Lộc Hà, Cẩm Xuyên, Đức Thọ đến nay có 100% số xã có HTX, tổ đội VSMT [↑](#footnote-ref-18)
19. Bãi chôn lấp phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh (đang được Bộ TNMT hỗ trợ kinh phí cải tạo, nâng cấp bãi rác và đóng cửa); bãi chôn lấp xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà (đang chuyển sang làm nhà máy); bãi chôn lấp thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc (đang chuyển sang làm nhà máy); bãi chôn lấp thị trấn Tây Sơn, huyện Hương Sơn và bãi chôn lấp thị trấn Vũ Quang [↑](#footnote-ref-19)
20. Bãi rác thị trấn Kỳ Anh (nay là phường sông Trí - thị xã Kỳ Anh), bãi rác thị trấn Thiên Cầm (huyện cẩm Xuyên) [↑](#footnote-ref-20)
21. Gồm 3 lò: ở xã Xuân Thành, Cương Gián, Xuân Hải - huyện Nghi Xuân và 1 lò ở xã Kỳ Tân - huyện Kỳ Anh [↑](#footnote-ref-21)
22. Ở xã Phù Việt - Thạch Hà, xã Thạch Bằng - Lộc Hà và xã Đức Long- Đức Thọ [↑](#footnote-ref-22)
23. huyện Thạch Hà (3 lò), huyện Hương Khê (3 lò), Khu vực cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo (01 lò) và huyện Hương Sơn (01 lò) [↑](#footnote-ref-23)
24. Bệnh viện đa khoa tỉnh; bệnh viện đa khoa các huyện Kỳ Anh, Can Lộc, Lộc Hà, thành phố Hà Tĩnh và bệnh viện Phục hồi chức năng Hà Tĩnh [↑](#footnote-ref-24)
25. Bãi rác thị xã Kỳ Anh và bãi rác thị xã Hồng Lĩnh [↑](#footnote-ref-25)
26. Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 12/7/2012 về việc phê duyệt đề án điều chỉnh bổ sung mạng lưới quan trắc môi trường đến 2015; Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 06/01/2014 về việc phê duyệt đề án bổ sung các điểm quan trắc môi trường trong các khu kinh tế vào mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2015; Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường Hà Tĩnh giai đoạn 2016-2020. [↑](#footnote-ref-26)
27. Quy hoạch xử lý chất thải rắn, quy hoạch chăn nuôi tập trung và quy hoạch cấp nước sinh hoạt nông thôn, quy hoạch dân cư… [↑](#footnote-ref-27)
28. Một số trang trại chăn nuôi nằm đầu nguồn nước, gần dân cư vẫn đưa vào quy hoạch [↑](#footnote-ref-28)
29. Theo quy định các cơ sở nuôi trồng thủy sản xả thải 10.000m3/ngày đêm phải cấp phép xả thải, tuy nhiên thực tế các dự án nuôi trồng thủy sản không xả thải hằng ngày mà xả thải theo mùa vụ [↑](#footnote-ref-29)
30. Ở tỉnh chỉ có 13/15 cán bộ làm chuyên môn về môi trường; Huyện Hương Khê không có cán bộ chuyên trách về môi trường; cấp xã cán bộ địa chính còn làm việc kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực, chưa được đào tạo sâu về môi trường; [↑](#footnote-ref-30)
31. Bao gồm hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung và khu vực lưu giữ, xử lý chất thải rắn (nếu có) [↑](#footnote-ref-31)